

## PHẨM 9: NHÂN<sup>1</sup>

(Tụng ngày thứ hai tại thành Tiểu Thổ, gồm 10 kinh)

Kệ tóm tắt 10 kinh:

*Nhân, Xứ, nhị Khổ âm  
Tăng thượng tâm cấp Niệm  
Sư tử hống, Ưu-đàm  
Nguyện, Tưởng tối tại hậu.<sup>2</sup>*



---

<sup>1</sup> Quyển 24.

<sup>2</sup> Nguyên tác Nhiếp tụng: 因, 處, 二苦陰; 增上心及念; 師子吼, 優曇; 願, 想最在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.



## 97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiể-ma-sát-đàm, thuộc nước Câu-lâu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại nơi thanh vắng, tâm khởi tư duy như vậy: “Pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Thế nhưng ta quán sát thấy pháp này hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!”

Thế rồi, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay con một mình tĩnh tọa tại nơi thanh vắng, tâm khởi tư duy như vậy: “Pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Thế nhưng ta quán sát thấy pháp ấy hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!”

Đức Thế Tôn bảo:

– Nay A-nan! Thầy chớ nghĩ rằng: “Pháp duyên khởi này hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!” Vì sao như thế? Vì pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Nay A-nan! Chính vì không biết như thật, không thấy như thật, không giác ngộ, không thông đạt pháp duyên khởi này, nên khiến cho chúng sinh bị dính mắc với nhau như đan trên khung cửi,<sup>2</sup> như dây cỏ dại ràng rịt quấn nhau,<sup>3</sup> thường xuyên rối loạn, tấp nập ồn ào, trôi lăn từ đời này sang đời khác, từ kiếp nọ đến kiếp kia, cứ qua lại như vậy không thể ra khỏi vòng sanh tử. Nay A-nan! Thế nên phải biết, pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy!

Nay A-nan! Nếu có người hỏi: “Già và chết có do duyên không?” Hãy trả lời như vậy: “Già-chết có do duyên.” Nếu lại hỏi: “Già-chết do duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên sanh.”<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Đại nhân kinh* 大因經 (T.01. 0026.97. 0578b07). Tham chiếu: *Đại duyên phương tiện kinh* 大緣方便經 (T.01. 0001.13. 0060a29); *Nhân bản dục sanh kinh* 人本欲生經 (T.01. 0014. 0241c23); *Đại sanh nghĩa kinh* 大生義經 (T.01. 0052. 0844b09); D. 15, *Mahānidāna Sutta* (Kinh đại duyên).

<sup>2</sup> Nguyên tác: Như chức cơ tương tóa (如織機相鎖). D. 15, *Mahānidāna Sutta* (Kinh đại duyên): *Tantākulakajāta* (rối như cuộn chỉ).

<sup>3</sup> Nguyên tác: Như uẩn mạn thảo (如蘊蔓草). “Uẩn” (蘊) dùng như chữ “uẩn” (纏): Dây gai rối (亂麻). Mạn thảo (蔓草): Loài cỏ dại (雜草) mà thân của chúng ràng rịt quấn lấy nhau (莖能纏繞攀緣). D. 15, *Mahānidāna Sutta* (Kinh đại duyên): *Muñjapabbajabhūtā* (các loài lau sậy).

<sup>4</sup> Sanh (生, *jāti*).

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Sanh có do duyên không?” Nên đáp: “Sanh cũng do duyên.” Nếu lại hỏi: “Sanh do duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên nơi hữu.”<sup>5</sup>

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Hữu có do duyên không?” Nên đáp: “Hữu cũng do duyên.” Nếu lại hỏi: “Hữu có duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên nơi thủ.”<sup>6</sup>

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Thủ có do duyên không?” Nên đáp: “Thủ cũng do duyên.” Nếu lại hỏi: “Do duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên nơi ái.”<sup>7</sup>

Này A-nan! Đó là do duyên ái nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, do duyên sanh nên có già và chết, do duyên già-chết nên có buồn lo, khóc than, khổ não... Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi.

[0578c06] Này A-nan! Do duyên sanh nên có già-chết. Ở đây nói do duyên sanh nên có già-chết, nên biết, vì do duyên sanh nên có già-chết. Này A-nan! Nếu không có sự sanh ra của các loài như cá và các loài cá, chim và các loài chim, muỗi và các loài muỗi, rồng và các loài rồng, thần và các loài thần, quỷ và các loài quỷ, trời và các loài trời, người và các loài người thì này A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia, ở bất cứ nơi này hay nơi kia, nếu không có sự sanh ra của bất cứ loài nào, giả sử đã xa lìa sự sanh ra thì có già-chết chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Nên biết rằng nguyên nhân của già-chết, sự tập khởi của già-chết, gốc rễ của già-chết, duyên của già-chết, đều từ sanh mà ra. Vì sao như thế? Vì do duyên sanh nên có già-chết.

Này A-nan! Do duyên hữu nên có sanh. Ở đây nói do duyên hữu nên có sanh, nên biết, vì do duyên hữu mà có sanh. A-nan! Nếu không có sự hữu của các loài như cá và các loài cá, chim và các loài chim, muỗi và các loài muỗi, rồng và các loài rồng, thần và các loài thần, quỷ và các loài quỷ, trời và các loài trời, người và các loài người thì này A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia, ở bất cứ nơi này hay nơi kia, nếu không có sự hữu của bất cứ loài nào, giả sử đã xa lìa sự hữu thì có sanh chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của sanh, sự tập khởi của sanh, gốc rễ của sanh, duyên của sanh chính là hữu. Vì sao như thế? Vì do duyên hữu nên có sanh.

Này A-nan! Do duyên thủ nên có hữu. Ở đây nói do duyên thủ nên có hữu, nên biết, vì do duyên thủ mà có hữu. A-nan! Nếu không có thủ, bất cứ loài nào cũng không có thủ, giả sử đã xa lìa thủ thì sẽ có hữu chăng? Có thể dựng lập hữu chăng?

<sup>5</sup> Hữu (有, *bhava*).

<sup>6</sup> Thọ (受, *upādāna*).

<sup>7</sup> Ái (愛, *taṇhā*).

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của hữu, sự tập khởi của hữu, gốc rễ của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao như thế? Vì do duyên thủ nên có hữu.

Này A-nan! Do duyên ái nên có thủ. Ở đây nói do duyên ái nên có thủ, nên biết, vì do duyên ái mà có thủ. A-nan! Nếu không có ái, bất cứ loài nào cũng không có ái, giả sử đã xa lìa ái thì sẽ có thủ chẳng? Có thể dựng lập thủ chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của thủ, sự tập khởi của thủ, gốc rễ của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao như thế? Vì do duyên ái nên có thủ.

[0579a01] Này A-nan! Đó là, do duyên ái nên có tìm cầu,<sup>8</sup> do duyên tìm cầu nên được lợi, do duyên được lợi nên có phân chia, do duyên phân chia nên có nhiễm dục, do duyên nhiễm dục nên có đấm trước, do duyên đấm trước nên có keo kiệt, do duyên keo kiệt nên có gia sản,<sup>9</sup> do duyên gia sản nên có canh giữ.<sup>10</sup> Này A-nan! Do duyên canh giữ nên có dao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều, phát sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi.

Này A-nan! Nếu không có canh giữ, tất cả chúng sanh đều không có sự canh giữ, giả sử đã xa lìa sự canh giữ thì có dao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều và phát sanh vô lượng pháp xấu, bất thiện chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng dao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều, phát sanh vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, sự tập khởi của chúng, gốc rễ của chúng và duyên của chúng đều là do canh giữ. Vì sao như thế? Vì do duyên canh giữ nên mới có dao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều và sanh khởi vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi.

Này A-nan! Do duyên gia sản nên có canh giữ. Ở đây nói do duyên gia sản nên có canh giữ, nên biết, vì do duyên gia sản nên có canh giữ. A-nan! Nếu không có gia sản, tất cả chúng sanh đều không có gia sản, giả sử đã xa lìa gia sản thì có canh giữ chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

<sup>8</sup> Nguyên tác: Cầu (求, *pariyesanā*): Sự tìm cầu.

<sup>9</sup> Nguyên tác: Gia (家): Gia nghiệp hay gia sản (家產, 家業).

<sup>10</sup> Nguyên tác: Thủ (守, *ārakkha*): Canh giữ. Những yếu tố làm duyên cho nhau như: Ái, cầu, lợi, phân, nhiễm dục, trước, xan, gia, thủ (愛, 求, 利, 分, 染欲, 著, 慳, 家, 守). Tham chiếu: *Đại duyên phương tiện kinh* 大緣方便經 (T.01. 0001.13. 0060c12-c21): Ái (愛), cầu (求), lợi (利), dụng (用), dục (欲), trước (著), tật (嫉), thù (守), hộ (護); D. 15, *Mahānidāna Sutta* (Kinh đại duyên): *Taṅhā* (tham ái), *pariyesanā* (tìm cầu), *labho* (lợi lộc), *vinicchayo* (quyết định, sử dụng), *chandarāgo* (ham muốn), *ajjhosānaṃ* (tham chấp), *pariggaho* (ôm giữ chặt), *macchariyaṃ* (keo lán), *ārakkho* (canh giữ).

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của canh giữ, sự tập khởi của canh giữ, gốc rễ của canh giữ, duyên của canh giữ chính là gia sản. Vì sao như thế? Vì do duyên gia sản nên có canh giữ.

Này A-nan! Do duyên keo kiệt nên có gia sản. Ở đây nói do duyên keo kiệt nên có gia sản, nên biết, vì do duyên keo kiệt nên có gia sản. A-nan, nếu không có keo kiệt, tất cả chúng sanh đều không keo kiệt, giả sử đã xa lìa keo kiệt thì có gia sản chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của gia sản, sự tập khởi của gia sản, gốc rễ của gia sản, duyên của gia sản chính là keo kiệt. Vì sao như thế? Vì do duyên keo kiệt nên có gia sản.

Này A-nan! Do duyên đấm trước nên có keo kiệt. Ở đây nói do duyên đấm trước nên có keo kiệt, nên biết, vì do duyên đấm trước nên có keo kiệt. A-nan, nếu không có đấm trước, tất cả chúng sanh đều không đấm trước, giả sử đã xa lìa sự đấm trước thì có keo kiệt chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của keo kiệt, sự tập khởi của keo kiệt, gốc rễ của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là đấm trước. Vì sao như thế? Vì do duyên đấm trước nên có keo kiệt.

Này A-nan, do duyên nhiễm dục nên có đấm trước. Ở đây nói do duyên nhiễm dục nên có đấm trước, nên biết, vì do duyên nhiễm dục nên có đấm trước. A-nan! Nếu không có nhiễm dục, tất cả chúng sanh đều không có nhiễm dục, giả sử đã xa lìa nhiễm dục thì có đấm trước chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

[0579b01] – Thế nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của đấm trước, sự tập khởi của đấm trước, gốc rễ của đấm trước, duyên của đấm trước chính là nhiễm dục. Vì sao như thế? Vì do duyên nhiễm dục nên có đấm trước.

Này A-nan! Do duyên phân chia nên có nhiễm dục. Ở đây nói do duyên phân chia nên có nhiễm dục, nên biết, vì do duyên phân chia nên có nhiễm dục. A-nan! Nếu không có phân chia, tất cả chúng sanh đều không có phân chia, giả sử đã xa lìa sự phân chia thì có nhiễm dục chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của nhiễm dục, sự tập khởi của nhiễm dục, gốc rễ của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phân chia. Vì sao như thế? Vì do duyên phân chia nên có nhiễm dục.

Này A-nan! Do duyên được lợi nên có phân chia. Ở đây nói do duyên được lợi nên có phân chia, nên biết, vì do duyên được lợi nên có phân chia. A-nan! Nếu không có sự được lợi, tất cả chúng sanh đều không màng đến được lợi, giả sử đã xa lìa sự được lợi thì có phân chia chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của phân chia, sự tập khởi của phân chia, gốc rễ của phân chia, duyên của phân chia chính là sự được lợi. Vì sao như thế? Vì do duyên được lợi nên có phân chia.

Này A-nan! Do duyên tìm cầu nên có được lợi. Ở đây nói do duyên tìm cầu nên có được lợi, nên biết, vì do duyên tìm cầu nên có được lợi. A-nan! Nếu không có tìm cầu, tất cả chúng sinh đều không tìm cầu, giả sử đã xa lìa tìm cầu thì có sự được lợi chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của được lợi, sự tập khởi của được lợi, gốc rễ của được lợi, duyên của được lợi chính là tìm cầu. Vì sao như thế? Vì do duyên tìm cầu nên có được lợi.

Này A-nan! Do duyên ái nên có tìm cầu. Ở đây nói do duyên ái nên có tìm cầu, nên biết, vì do duyên ái nên có tìm cầu. A-nan! Nếu không có ái, tất cả chúng sinh đều không có ái, giả sử đã xa lìa ái thì có tìm cầu chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của tìm cầu, sự tập khởi của tìm cầu, gốc rễ của tìm cầu, duyên của tìm cầu chính là ái. Vì sao như thế? Vì do duyên ái nên có tìm cầu.

Này A-nan! Dục ái<sup>11</sup> và hữu ái,<sup>12</sup> hai pháp này đều nhân nơi thọ,<sup>13</sup> duyên nơi thọ mà sanh ra. A-nan! Nếu có người hỏi: “Thọ có do duyên không?” Hãy nên đáp: “Thọ cũng có do duyên.” Nếu lại hỏi: “Thọ duyên gì?” thì nên đáp: “Duyên nơi xúc.”<sup>14</sup> Nên biết rằng, do duyên xúc nên có thọ. Này A-nan! Nếu không có sự tiếp nhận của mắt, tất cả chúng sanh đều không có sự tiếp nhận của mắt, giả sử đã xa lìa sự tiếp nhận của mắt thì sẽ có duyên sự tiếp nhận của mắt để sanh ra cảm thọ vui, cảm thọ khổ và cảm thọ không vui không khổ chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Nếu không có tai, mũi, lưỡi, thân và sự tiếp nhận của ý, tất cả chúng sanh đều không có sự tiếp nhận của ý, giả sử đã xa lìa sự tiếp nhận của ý thì sẽ có duyên sự tiếp nhận của ý để sanh ra cảm thọ vui, cảm thọ khổ và cảm thọ không vui không khổ chăng?

[0579c02] – Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của thọ, sự tập khởi của thọ, gốc rễ của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao như thế? Vì duyên xúc nên có thọ.

<sup>11</sup> Dục ái (欲愛, *kāmatanhā*).

<sup>12</sup> Hữu ái (有愛, *bhavatanhā*).

<sup>13</sup> Giác (覺) tân dịch là “thọ” (受). Tiếng Pāli tương đương là *vedāna*.

<sup>14</sup> Canh lạc (更樂), cách dịch khác của “xúc” (觸, *phassa*).

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Xúc có do duyên không?” thì nên đáp: “Xúc có do duyên.” Nếu lại hỏi: “Xúc duyên gì?” thì nên đáp: “Duyên danh sắc.”<sup>15</sup> Nên biết rằng, do duyên danh sắc mà có xúc. Này A-nan! Do sở hành, sở duyên<sup>16</sup> mà có danh thân.<sup>17</sup> Nếu lìa hành, lìa duyên này thì có xúc hữu đối<sup>18</sup> chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Do sở hành, sở duyên mà có sắc thân. Nếu lìa hành, lìa duyên này thì có xúc tăng ngữ<sup>19</sup> chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Giả sử lìa danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc hoặc xúc được dựng lập chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Thế nên, phải biết rằng nguyên nhân của xúc, sự tập khởi của xúc, gốc rễ của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao như thế? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

<sup>15</sup> Danh sắc (名色, *nāmarūpa*).

<sup>16</sup> Sở hành, sở duyên (所行, 所緣): Hành (行) ở đây chỉ cho hành tướng, tướng, tướng mạo (行相, 相貌); sở duyên (所緣) chỉ cho những dấu hiệu, đối tượng, sự biểu hiện. *A-tỳ-đạt-ma Thuận chánh lý luận* 阿毘達磨順正理論 (T.29. 1562.029. 0506a20) đã dẫn lại *Đại duyên khởi kinh* (大緣起經), tên khác của *Đại nhân kinh* 大因經. Bản dịch Việt giải thích: “Do có các hành tướng, do có các biểu hiện mà dựng lập danh thân” (諸有行相, 諸有標舉施設名身). Cùng diễn đạt về nghĩa này, *D. 15, Mahānidāna Sutta (Kinh đại duyên)* dùng 3 cụm từ *ākāra* (hành tướng, tướng mạo), *līnga* (dấu, dấu hiệu), *nimitta* (tướng, hình tướng, dấu hiệu).

<sup>17</sup> Danh thân (名身, *nāmakāya*). Theo *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (T.30. 1579.03. 0293c04), “danh thân” (名身) là một trong 24 loại “tâm bất tương ưng hành”, gồm: đắc, vô tưởng định, diệt tận định, vô tưởng dị thức, mạng căn, chúng đồng phận, dị sanh tánh, sanh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, lưu chuyên, định dị, tương ưng, thể tức, thứ đệ, thời, phương, số, hòa hợp, bất hòa hợp (得, 無想定, 滅盡定, 無想異熟, 命根, 眾同分, 異生性, 生, 老, 住, 無常, 名身, 句身, 文身, 流轉, 定異, 相應, 勢速, 次第, 方, 數, 和合). Trong *Sn. v. 1274* cũng xuất hiện cú ngữ này: *Evam munī nāmakāya vimutto, Athham paleti na upeti saṅkham* (Cũng vậy, vị ân sĩ, được giải thoát danh thân, đi đến chỗ tận cùng, không có thể ước lượng), HT. Thích Minh Châu dịch. “Danh thân” trong Kinh tạng Nikāya được hiểu là một nhóm các tâm và tâm sở của chúng.

<sup>18</sup> Nguyên tác: Hữu đối canh lạc (有對更樂, *Patighasamphassa*): Xúc chạm có đối ngại nên gọi là hữu đối xúc (有對觸). *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận* 阿毘達磨俱舍論 (T.29. 1558.10. 0052c05-06) giải thích: Năm loại xúc như nhãn xúc..., vì có sở y là các căn hữu đối nên gọi là hữu đối (眼等五觸說名有對, 以有對根為所依故). *A-tỳ-đạt-ma Pháp uân túc luận* 阿毘達磨法蘊足論 (T.26. 1537.012. 0509b20) dẫn lại *Đại nhân duyên kinh* (大因緣經) để giải thích về hữu đối xúc: “Nếu nương tựa tướng này để dựng lập sắc thân, nếu như tướng này không tồn tại thì có thể dựng lập xúc hữu đối chẳng? Thưa không! Bạch Thế Tôn.” (若依止此相施設色身. 此相若無為, 可施設有對觸不? 不也. 世尊).

<sup>19</sup> Nguyên tác: Tăng ngữ canh lạc (增語更樂), trực dịch từ *Adhivacanasamphassa. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận* 阿毘達磨俱舍論 (T.29. 1558.10. 0052c06-10) giải thích: Loại thứ 6 là ý xúc, tức là xúc của ý căn, có tên là “tăng ngữ” (*abhivacana*), [có nghĩa là loại xúc làm cho ngôn ngữ trở nên phong phú]. Bởi vì sao? Vì “tăng ngữ” là danh (tên gọi); mà danh là sở duyên tối hảo của loại xúc tương ưng với ý thức; như kinh luận từng nói: “Nhờ có nhãn thức nên biết được màu xanh nhưng không biết được đó là màu xanh; nhờ có ý thức nên biết được màu xanh và cũng biết được đó là màu xanh.” Vì vậy mới nói là tối hảo. Như vậy loại xúc thứ 6 được gọi tên theo sở duyên đặc thù của nó (Đạo Sinh dịch). Theo *A-tỳ-đạt-ma Giới thân túc luận* 阿毘達磨界身足論 (T.26. 1540.01. 0614b25), “tăng ngữ xúc” là một trong 5 loại xúc, gồm một là hữu đối xúc, hai là tăng ngữ xúc, ba là minh xúc, bốn là vô minh xúc và năm là chẳng phải minh, chẳng phải vô minh xúc (一, 有對觸; 二, 增語觸; 三, 明觸; 四, 無明觸; 五, 非明非無明觸). Và ở trang 0615b11, bộ luận này đã giải thích: Sao gọi là “tăng ngữ xúc”? Vì xúc tương ưng với ý thức nên gọi là “tăng ngữ xúc” (增語觸云何? 謂意識相應觸).

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Danh sắc có do duyên chăng?” thì nên đáp: “Danh sắc có do duyên.” Nếu lại hỏi: “Danh sắc duyên gì?” thì nên đáp: “Duyên nơi thức.”<sup>20</sup> Nên biết rằng, do duyên thức mà có danh sắc. Này A-nan! Nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì có thân này chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Nếu thức mới vào thai liền trở ra ngay thì danh sắc có kết hợp với tinh khí chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Nếu thức căn bản<sup>21</sup> của bé trai hoặc bé gái bị đoạn hoại và chẳng tồn tại<sup>22</sup> thì danh sắc có tăng trưởng dần lên chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của danh sắc, sự tập khởi của danh sắc, gốc rễ của danh sắc, duyên của danh sắc chính là thức. Vì sao như thế? Vì do duyên thức nên có danh sắc.

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Thức có do duyên chăng?” thì nên đáp: “Thức có do duyên.” Nếu lại hỏi: “Thức duyên gì?” thì nên đáp: “Duyên danh sắc.” Nên biết rằng do duyên danh sắc mà có thức. Này A-nan! Nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết, có khổ chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng, nguyên nhân của thức, sự tập khởi của thức, gốc rễ của thức, duyên của thức chính là danh sắc. Vì sao như thế? Vì do duyên danh sắc nên có thức.

Này A-nan! Đó là, do duyên danh sắc nên có thức, do duyên thức nên cũng có danh sắc, từ đó mà có ngôn ngữ, có danh xưng và có sự diễn đạt về hiện hữu.<sup>23</sup> Nghĩa là thức và danh sắc cùng đi với nhau.

Này A-nan! Sao gọi là có một loại kiến chấp hữu ngã?

<sup>20</sup> Thức (識, *viññāna*).

<sup>21</sup> Nguyên tác: Thức sơ (識初): Thức ban đầu, thức căn bản, cũng gọi là Đệ bát thức (第八識), thức A-lại-da (阿賴耶識).

<sup>22</sup> Nguyên tác: Nhược ấu đồng nam, đồng nữ thức sơ đoạn hoại bất hữu già (若幼童男, 童女識初斷壞不有者). D. 15, *Mahānidāna Sutta* (Kinh đại duyên): *Viññāṇaṅca hi, ānanda, daharasseva sato vocchijjissatha kumārakassa vā kumārikāya vā* (Này Ānanda, nếu thức bị đoạn trừ trong đứa con nít, hoặc là đồng nam hay đồng nữ...), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>23</sup> Nguyên tác: Tăng ngữ thuyết truyền, truyền thuyết khả thi thiết (增語說傳, 傳說可施設). Tham chiếu: D. 15, *Mahānidāna Sutta* (Kinh đại duyên): *Ettāvatā adhivacanapatho ettāvatā niruttipatho ettāvatā paññattipatho* (trong giới hạn ấy có con đường danh ngôn, con đường truyền thuyết, con đường khái niệm). Theo S. 22.62 - III. 71: *Niruttipathā adhivacanapathā paññattipathā* (ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ), HT. Thích Minh Châu dịch. Đoạn *Kinh Tương ưng bộ* này, tiên sinh Trang Xuân Giang dịch ra Hán ngữ là: Ngôn ngữ đạo, danh xưng đạo, an lập đạo (言語道, 名稱道, 安立道) và Tỳ-kheo Bodhi dịch sang Anh ngữ là: *Pathways of language, pathways of designation, pathways of description* (Con đường ngôn ngữ, con đường định danh và con đường mô tả).

[0580a04] Tôn-giả A-nan thưa:

– Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thầy nghe về nghĩa đó.

Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy:

– Nay A-nan! Có kiến chấp cho rằng thọ là ngã.<sup>24</sup> Lại có kiến chấp không cho thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả.

Này A-nan! Nếu có người cho rằng thọ là ngã thì nên hỏi người ấy rằng: “Ông có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không lạc không khổ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ngã?” Này A-nan! Nên nói tiếp với người ấy: “Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người kia không nghĩ rằng ‘chẳng phải là ngã diệt’ chẳng?”

Này A-nan! Nếu chỉ có cảm thọ về khổ thọ thì lúc ấy hai cảm thọ kia là cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc diệt mất; người ấy lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi khổ thọ diệt rồi thì người ấy không nghĩ rằng “chẳng phải là ngã diệt” chẳng?

Này A-nan! Nếu người ấy chỉ có cảm thọ về không khổ không lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất, người ấy lúc đó chỉ có cảm giác về không khổ không lạc thọ, nhưng không khổ không lạc thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi không khổ không lạc thọ diệt rồi thì người ấy không nghĩ rằng “chẳng phải là ngã diệt” chẳng?

Này A-nan, thọ là pháp vô thường như thế, lại xen lẫn<sup>25</sup> cả khổ và lạc, lẽ nào lại còn chấp thọ là ngã chẳng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Nay A-nan! Thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn cả khổ và lạc, do đó không nên chấp thọ là ngã.

Này A-nan! Nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người

<sup>24</sup> Nguyên tác: Giác thị thần (覺是神). Thần (神) chỉ cho tự ngã (*attā*).

<sup>25</sup> Nguyên tác: Ly (離). Nhưng các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là “tạp” (雜).

ấy: “Nếu ông không cảm thọ thì thọ không thể có và không thể nói ‘cái này là sở hữu của tôi.’” Nay A-nan! Thế thì người ấy có còn chấp “thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ” nữa chẳng?

[0580b03] – Thừa không, bạch Thế Tôn!

– Nay A-nan! Do đó người ấy không nên chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ.”

Nay A-nan! Nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả thì nên nói với người ấy: “Nếu ông không cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ, nhưng nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tịnh.” Nay A-nan! Thế thì người kia có còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chẳng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn!

– Nay A-nan! Do đó người kia không nên chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ.” Đó là một loại kiến chấp có ngã.

Nay A-nan! Thế nào là một loại không kiến chấp rằng có ngã?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý!

Đức Phật liền bảo:

– Nay A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thầy nghe về nghĩa đó.

Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy:

– Nay A-nan! Có người không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là có khả năng cảm thọ, cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy, do không phiền lụy nên được Niết-bàn và biết một cách như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

Nay A-nan! Đó gọi là có ngôn ngữ, có danh xưng và có sự diễn đạt về hiện hữu. Người nào biết như vậy thì không còn gì để chấp thủ.

Nay A-nan! Nếu Tỳ-kheo được giải thoát hoàn toàn như vậy thì không có kiến chấp Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không tồn tại. Đây là trường hợp không chấp có ngã.

Này A-nan! Thế nào gọi là có một loại quan niệm về hữu ngã được chủ trương?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý!

[0580c01] Phật dạy:

– Này A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thầy nghe về nghĩa đó.

Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy:

– Này A-nan! Có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc có hạn lượng.”<sup>26</sup>

Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã không phải là sắc có hạn lượng” nên đã chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng.”

Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã không phải là sắc có hạn lượng” cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng” nên đã chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc có hạn lượng.”

Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã không phải là sắc có hạn lượng” cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng” cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc không hạn lượng” nên đã chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc vô lượng.”

Này A-nan! Với trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc có hạn lượng.” Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là sắc có hạn lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã lìa xa sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc có hạn lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là sắc có hạn lượng.”

Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã không phải là sắc có hạn lượng” nên đã chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng.” Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là sắc vô lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã lìa xa sắc vô lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là sắc vô lượng.”

Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã không phải là sắc có hạn lượng” cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng”

<sup>26</sup> Nguyên tác: Thiểu sắc thị thần (少色是神). Thiểu (少) có tương đương Pāli là *paritto*, vừa có nghĩa là ít vừa mang nghĩa là giới hạn.

nên đã chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc có hạn lượng.” Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là vô sắc có hạn lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa vô sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Nay A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc có hạn lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là vô sắc có hạn lượng.”

Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã không phải là sắc có hạn lượng” cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng” cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc không hạn lượng” nên đã chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc vô lượng.” Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là vô sắc vô lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa vô sắc vô lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Nay A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc vô lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là vô sắc vô lượng.”

Đó là những trường hợp chủ trương và tuyên bố có một hữu ngã.

[0581a08] Nay A-nan! Thế nào là những trường hợp không chủ trương và tuyên bố có một hữu ngã?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý.

Đức Phật liền bảo:

– Nay A-nan! hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thầy nghe về ý nghĩa đó.

Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy:

– Nay A-nan! Có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc có hạn lượng”, cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng”, cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc có hạn lượng”, cũng không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc vô lượng.”

Này A-nan! Trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc có hạn lượng.” Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là sắc có hạn lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Nay A-nan! Thực tế là có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc có hạn lượng.” Như vậy gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là sắc có hạn lượng.”

Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng.” Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là sắc vô lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi sắc vô lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là sắc vô lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là sắc không vô lượng.”

Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc có hạn lượng.” Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là vô sắc có hạn lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi vô sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc có hạn lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là vô sắc có hạn lượng.”

[0581b05] Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc vô lượng.” Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại “ngã là vô sắc vô lượng” và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi vô sắc vô lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố “ngã là vô sắc vô lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về “ngã là vô sắc vô lượng.”

Này A-nan! Đó gọi là những trường hợp không chủ trương và tuyên bố có một hữu ngã.

Lại nữa, này A-nan! Có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Bảy trú xứ của thức gồm những gì? Chúng sanh hữu sắc có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tướng, đó là loài người và chư thiên cõi Dục. Đây là trú xứ thứ nhất của thức.

Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với nhiều thân nhưng chỉ có một loại tướng, đó là Phạm thiên lúc mới sanh ra và không yếu thọ. Đây là trú xứ thứ hai của thức.

Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều loại tướng, đó là Hoảng Dục thiên.<sup>27</sup> Đây là trú xứ thứ ba của thức.

Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với một loại thân và một loại tướng, đó là Biến Tịnh thiên.<sup>28</sup> Đây là trú xứ thứ tư của thức.

Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tướng, không tư duy các loại tướng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an

<sup>27</sup> Hoảng Dục thiên (晃昱天, Ābhassara).

<sup>28</sup> Biến Tịnh thiên (遍淨天, Subhakiṇṇā).

trú Không vô biên xứ,<sup>29</sup> đó là Không Vô Biên Xứ thiên. Đây là trú xứ thứ năm của thức.

Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trú Thức vô biên xứ,<sup>30</sup> đó là Thức Vô Biên Xứ thiên. Đây là trú xứ thứ sáu của thức.

Lại nữa! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ,<sup>31</sup> đó là Vô Sở Hữu Xứ thiên. Đây là trú xứ thứ bảy của thức.

Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, đó là Vô Tướng thiên,<sup>32</sup> đây là xứ thứ nhất.

Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trú Phi tướng phi phi tướng xứ,<sup>33</sup> đó là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thiên, đây là xứ thứ hai.

[0581c02] Nay A-nan! Đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân và các loại tướng, đó là loài người và chư thiên cõi Dục. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan! Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Nay A-nan, đối với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân nhưng chỉ một loại tướng, đó là chúng Phạm thiên mới sanh ra và không yếu thọ. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Nay A-nan! Đối với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều loại tướng, đó là Hoảng Dục thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

<sup>29</sup> Vô lượng không xứ (無量空處, Ākāśāṇācāyatana).

<sup>30</sup> Vô lượng thức xứ (無量識處, Viññāṇaṇācāyatana).

<sup>31</sup> Vô sở hữu xứ (無所有處, Ākiñcaññāyatana).

<sup>32</sup> Vô Tướng thiên (無想天, Asaññasattāyatana).

<sup>33</sup> Phi hữu tướng phi vô tướng xứ (非有想非無想處, Nevasaññānāsaññāyatana).

– Này A-nan! Đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tướng, đó là Biến Tịnh thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Đối với trú xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trú Không vô biên xứ, đó là Không Vô Biên Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Đối với trú xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trú Thức vô biên xứ, đó là Thức Vô Biên Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Đối với trú xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là Vô Sở Hữu Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

[0582a05] – Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Đối với xứ thứ nhất, các chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, đó là Vô Tướng thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự tập khởi xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trú Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự tập khởi xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn!

– Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo biết như thật về bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán thành tựu Tuệ giải thoát.

Lại nữa, này A-nan! Có tám pháp giải thoát. Là tám pháp nào? Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất.

Lại nữa, bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai.

Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ ba.

Lại nữa, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trụ Không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư.

Lại nữa, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trụ Thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm.

Lại nữa, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu.

Lại nữa, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.

Lại nữa, vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ Tướng thọ diệt giải thoát và biết do tuệ quán mà trừ sạch các lậu, đó là giải thoát thứ tám.

A-nan! Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát với tám giải thoát này, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ trong chiều thuận và nghịch, cũng do tuệ quán mà trừ sạch các lậu, đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán thành tựu Câu giải thoát.<sup>34</sup>

[0582b04] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

<sup>34</sup> Câu giải thoát (俱解脫, *Ubhatobhāgavimutta*) còn gọi là “Câu phần giải thoát.” *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (T.26. 1536.10. 0436a06-a07) giải thích: Bạc thành tựu và an trú 8 giải thoát, sau đó dùng trí tuệ đoạn tận mọi phiền não thì được gọi là bậc Giải thoát cả 2 phần (若補特伽羅, 於八解脫身已證具足住, 而復以慧永盡諸漏, 是名俱解脫分補特伽羅). Xem thêm *M. 70, Kīṭāgiri Sutta (Kinh Kīṭāgiri)*: “Thế nào là bậc Câu phân giải thoát? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Tỳ-kheo, được gọi là hạng người Câu phân giải thoát” HT. Thích Minh Châu dịch.



## 98. KINH NIỆM XỨ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiểma-sắt-đàm, thuộc nước Câu-lâu.

Bảy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt khỏi lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt khóc than, chứng được Chánh pháp, đó là bốn niệm xứ.<sup>2</sup> Các đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ, tu tập bảy giác chi<sup>3</sup> mà thành tựu giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.<sup>4</sup> Các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ, tu tập bảy giác chi mà thành tựu giác ngộ Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay trong hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng đều nhờ đoạn trừ năm loại ngăn che, là những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ, tu tập bảy giác chi mà thành tựu giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bốn niệm xứ là những gì? Đó là niệm xứ quán thân đúng như thân,<sup>5</sup> quán thọ<sup>6</sup> đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm và quán pháp đúng như pháp.

Thế nào là niệm xứ quán thân đúng như thân? Nghĩa là Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, khi đứng thì biết mình đứng, khi ngồi thì biết mình ngồi, khi nằm thì biết mình nằm, khi ngủ thì biết mình ngủ, khi thức thì biết mình thức, khi

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Niệm xứ kinh* 念處經 (T.01. 0026.98. 0582b07). Tham chiếu: *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (T.01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (T.01. 0026.81. 0554c10); *Tứ đế kinh* 四諦經 (T.01. 0032. 0814b08); *Tăng*. 增 (T.02. 0125.12.1. 0568a01); *D. 10, Mahāsatipaṭṭhāna Sutta (Kinh đại niệm xứ)*; *M. 10, Satipaṭṭhāna Sutta (Kinh niệm xứ)*; *M. 119, Kāyagatāsati Sutta (Kinh niệm thân)*.

<sup>2</sup> Bốn niệm xứ (四念處, *cattāro satipaṭṭhāna*).

<sup>3</sup> Thất giác chi (七覺支, *saptabodhyaṅgāni*).

<sup>4</sup> Nguyên tác: Vô thượng chánh tận chi giác (無上正盡之覺).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Quán thân như thân (觀身如身). Như (如): Giống như, đúng như (如同). Tham chiếu: *M. 10: Anupassī*, có nghĩa là quán sát liên tục, từ sát-na này đến sát-na khác, chuyên chú quán sát. Ở một phương diện khác thì *anu* là tiếp đầu ngữ, có nghĩa tùy theo, dựa theo, đúng theo. Chính vì vậy mà *anupassī*, động từ là *anupassati*, còn được dịch là “tùy quán” (隨觀). Đoạn kinh giải thích tiếp theo cũng bỏ nghĩa cho điều này.

<sup>6</sup> Nguyên tác: Giác (覺), tân dịch là “thọ” (受). Tiếng Pāli tương đương là *vedāna*.

ngủ chập chờn thì biết mình ngủ chập chờn. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt.<sup>7</sup> Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo biết rõ lúc ra lúc vào, khéo quán sát và phân biệt; khi co, khi duỗi, lúc cúi, lúc ngược, dung mạo khoan thai, khoác y chỉnh tề, cầm bát ngay thẳng; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thấy đều nhận biết rõ ràng. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo khi sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Ví như thầy trò thợ mộc căng dây mực, búng lên khúc gỗ rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo khi sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện liền dùng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định cũng giống như vậy. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo ngậm răng khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định.<sup>8</sup> Ví như hai lực sĩ giữ chặt một người gầy yếu, xoay chuyển bốn hướng, tùy ý đánh đập. Cũng vậy, Tỳ-kheo ngậm răng khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

[0582c12] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài; thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn; thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn; cảm giác toàn thân, thở vào; cảm giác toàn thân, thở ra; an tịnh thân hành, thở vào; an tịnh thân hành, thở ra. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Lập niệm tại thân, hữu tri hữu kiến, hữu minh hữu đạt (立念在身, 有知有見, 有明有達). Tham chiếu: *M. 10, Satipaṭṭhāna Sutta (Kinh niệm xứ): Ātāpī sampajāno satimā* (nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm). Ở đây, *MĀ. 98* không đề cập đến yếu tố tinh cần, nhiệt tâm (*ātāpī*) như *M. 10*.

<sup>8</sup> Tham chiếu: *M. 20, Vitakkasanthāna Sutta (Kinh an trú tâm): Bhikkhunā dantebhidantamādhāya jivhāya tālum āhacca cetasā cittaṃ abhiniggaṇhitabbaṃ abhinippīletabbaṃ abhisantāpetabbaṃ. Tassa dantebhidantamādhāya jivhāya tālum āhacca cetasā cittaṃ abhiniggaṇhato abhinippīlayato abhisantāpayato ye pāpakā akusalā vitakkā chandūpasamhītāpi dosūpasamhītāpi mohūpasamhītāpi te pahīyanti te abbhattham gacchanti* (Tỳ-kheo ấy phải nghiền răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiền răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liền hệ đến dục, liền hệ đến sân, liền hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong), HT. Thích Minh Châu dịch.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh, thấm nhuần vào thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân này, hỷ lạc do ly dục sanh, không đâu không có. Ví như người khéo tắm, cho bột tắm vào chậu nước, nước bột tắm thấm vào thân, phủ khắp toàn thân, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân này, hỷ lạc do ly dục sanh, không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Giống như nguồn suối trên núi, trong sạch không nhơ, đầy ắp, chảy tràn; nước từ bốn phương chảy đến nhưng không thể đổ vào được mà chính từ lòng suối, nước tự phun trào, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phủ khắp tràn đầy, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

[0583a07] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh, thấm nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ sanh không đâu không có. Giống như các loại sen xanh, sen hồng, sen đỏ, sen trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cọng thủy đều thấm nước, tràn đầy khắp cả, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh, thấm nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ sanh không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, ở trong thân này, Tỳ-kheo với tâm thanh tịnh, ý cởi mở làm cho trùm khắp, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không cùng khắp. Giống như người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu cho đến chân, khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, ở trong thân này, Tỳ-kheo với tâm thanh tịnh không đâu không cùng khắp. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo luôn nhớ nghĩ ánh sáng, khéo léo thọ trì, khéo ghi nhớ điều đang niệm, như phía trước, phía sau cũng như vậy; như ở phía sau, phía trước cũng như vậy, ngày cũng như

đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Nhờ như vậy, tâm không điên đảo, không bị ràng buộc, tâm nhớ nghĩ ánh sáng nên không bao giờ bị bóng tối che lấp. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo khéo giữ đối tượng quán tưởng, khéo ghi nhớ điều đang niệm. Giống như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo giữ đối tượng quán tưởng, khéo ghi nhớ điều đang niệm. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

[0583b04] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo tùy theo từng chỗ của thân này, tùy theo sự xấu đẹp của thân này mà quán sát từ đầu cho đến chân để thấy chúng thấy đều đầy đầy các thứ bất tịnh. Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da mịn hoặc thô, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, mật, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đàm dãi, nước tiểu, v.v... Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, người có mắt sáng thì thấy rõ ràng “đây là hạt lúa, hạt kê, kia là hạt cải, hạt cỏ, hạt rau...” Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo từng chỗ của thân này, tùy theo sự xấu đẹp của thân này mà quán sát từ đầu cho đến chân để thấy chúng đầy đầy các thứ bất tịnh. Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da mịn hoặc thô, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, mật, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đàm dãi, nước tiểu, v.v... Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân, thấy trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Ví như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn, Tỳ-kheo quán các giới trong thân, thấy trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng giống như thế. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xác chết, xác chết mới một, hai ngày, cho đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ điều bươi mổ, chó sói cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bị rữa nát hư hoại. Quán sát rồi, vị ấy tự so sánh “thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.” Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán

nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán hài cốt bầm xanh, rữa nát gần hết, xương rơi vãi ngổn ngang trên đất, như đã thấy nơi nghĩa địa. Thấy rồi, vị ấy tự so sánh “thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.” Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán bộ xương người chết, không còn da thịt máu huyết, chỉ có xương và gân dính lại với nhau, như đã thấy nơi nghĩa địa. Quán sát rồi tự so sánh “thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.” Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

[0583c10] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xương người chết rời ra từng đốt, nằm rải rác khắp nơi như đã thấy nơi nghĩa địa, các xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi, vị ấy tự so sánh “thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.” Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xương người chết có màu trắng như vỏ ốc, hoặc xanh như lông chim bồ câu, hoặc đỏ như màu máu, hoặc mục nát, bể vụn... như đã thấy nơi nghĩa địa. Quán rồi, vị ấy tự so sánh “thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.” Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán thân đúng như thân với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán thân đúng như thân.

Thế nào là niệm xứ quán thọ đúng như thọ? Nghĩa là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc; khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ; khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ

khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội thọ đúng như thọ, quán ngoại thọ đúng như thọ, lập niệm tại thọ, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thọ đúng như thọ.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán thọ đúng như thọ với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán thọ đúng như thọ.

[0584a05] Thế nào là niệm xứ quán tâm đúng như tâm? Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm không tham dục thì biết đúng như thật là có tâm không tham dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có nhiễm ô hay không nhiễm ô, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn, có tu hay không tu, có định hay không định, không có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là không có tâm giải thoát, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội tâm đúng như tâm, quán ngoại tâm đúng như tâm, lập niệm tại tâm, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán tâm đúng như tâm.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán tâm đúng như tâm với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán tâm đúng như tâm.

Thế nào là niệm xứ quán pháp đúng như pháp? Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kết, nếu bên trong thật có kết thì Tỳ-kheo biết đúng như thật bên trong có kết, bên trong thật không có kết cũng biết đúng như thật bên trong không có kết. Nếu nội kết chưa sanh, bây giờ sanh, cũng biết đúng như thật. Nếu nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sinh trở lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Với các căn tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như thế. Khi ý duyên pháp, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội kết chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật. Nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán sáu xứ bên trong.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, nghĩa là khi trong tâm thật có tham dục thì Tỳ-kheo biết như thật là có tham dục, trong tâm thật không có tham dục thì biết như thật là không có tham dục; tham dục chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết như thật; tham dục đã sanh và được đoạn trừ, không còn sanh trở lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Đối với sân hận, thùy miên, trạo cử cũng giống như thế. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được

đoạn trừ, không sanh lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán về năm loại ngăn che.

[0584b03] Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, nghĩa là khi bên trong thật có niệm giác chi, Tỳ-kheo biết như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không để suy thoái, việc tu tập càng lúc càng tăng trưởng, cũng đều biết đúng như thật. Đối với các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả, cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là đang có xả giác chi, bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi. Xả giác chi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không để suy thoái, việc tu tập càng lúc càng tăng trưởng, đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán về bảy giác chi.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán pháp đúng như pháp với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán pháp đúng như pháp.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ này trong vòng bảy năm thì nhất định sẽ chứng được một trong hai quả vị: Hoặc là thành tựu Trí cứu cánh ngay trong hiện tại, hoặc là chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư. Thậm chí không cần phải đến bảy năm mà sáu năm, hay năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hoặc một năm, hoặc chỉ trong bảy tháng nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả vị ấy. Thậm chí không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng mà chỉ trong bảy ngày bảy đêm nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ thì cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả vị: Hoặc là thành tựu Trí cứu cánh ngay trong hiện tại, hoặc là chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư. Cho đến không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cần trong một ngày một đêm mà Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào trong từng khoảnh khắc tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ, nếu buổi sáng thực hành như vậy thì nhất định buổi tối liền được thăng tiến, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tiến.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.<sup>9</sup>

<sup>9</sup> Bản Hán, hết quyển 24.



## 99. KINH KHỔ ẨM<sup>1</sup> (1)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bảy giờ, sau bữa trưa, các Tỳ-kheo vì có chút việc nên tập trung tại giảng đường. Số đông ngoại đạo sau bữa trưa cũng tản bộ tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Này chư Hiền! Sa-môn Cù-đàm hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương<sup>2</sup> đoạn dục, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn sắc, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn thọ. Này chư Hiền! Chúng tôi cũng hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn dục, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn sắc, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn thọ. Như vậy, với hai sự hiểu biết và cách đoạn trừ này, giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi thì ai thù thắng hơn và có điều gì khác biệt?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe số đông ngoại đạo hỏi như vậy thì không thể phân biệt đâu là đúng đâu là sai nên im lặng rồi đứng dậy bỏ đi và suy nghĩ: “Việc này chúng ta phải nhờ đức Thế Tôn mới biết được!” Các Tỳ-kheo liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi sang một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông ngoại đạo ấy thuật lại đầy đủ với đức Phật.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Lúc đó, các thầy nên hỏi số đông ngoại đạo ấy như vậy: “Này chư Hiền! Thế nào là vị ngọt của dục? Thế nào là tai họa của dục và thế nào là sự xuất ly của dục? Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là tai họa của sắc và thế nào là sự xuất ly của sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là tai họa của thọ và thế nào là sự xuất ly của thọ?” Này các Tỳ-kheo! Nếu các thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ chất vấn lẫn nhau về nhiều việc khác, dẫn đến nổi giận và tranh cãi càng thêm gay gắt, sau đó họ nhất định sẽ từ chỗ ngồi đứng dậy rồi im lặng bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy ai, dù Thiên hay Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn hay bất cứ người nào khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để trình bày rõ ràng, chỉ trừ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc những ai được nghe từ Như Lai và đệ tử của Như Lai.

<sup>1</sup> Quyển 25. Nguyên tác: *Khổ ẩm kinh*, thượng 苦陰經, 上 (T.01. 0026.99. 0584c08). Tham chiếu: *Khổ ẩm kinh* 苦陰經 (T.01. 0053. 0846c05); *Tăng*, 增 (T.02. 0125.21.9. 0604c07); *M.* 13, *Mahādukkhakkhandha Sutta* (Đại kinh khổ uẩn).

<sup>2</sup> Nguyên tác: Thi thiết tri (施設知). Tham chiếu: *Khổ ẩm kinh* 苦陰經 (T.01. 0053. 0846c13) ghi: Trí tuệ thuyết (智慧說); *Tăng*, 增 (T.02. 0125. 21-9. 0604c13) ghi: Hằng thuyết (恒說); *M.* 13: *Pariñnam paññapeti* (nếu rõ sự hiểu biết hoàn toàn), HT. Thích Minh Châu dịch.

Đức Phật lại dạy:

– Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là nhân bởi năm loại dục mà phát sanh ra lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của dục thì rất nhiều.

[0585a02] Thế nào là tai họa của dục? Ví như có người thiện nam, tùy theo nghề nghiệp của mình mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, hoặc thông số thuật, hoặc khéo in khắc, hoặc làm văn chương, hoặc tạo bút tích, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc hầu hạ vua; dù thời tiết lạnh phải cam chịu lạnh, gặp trời nắng nóng vẫn phải chịu nóng, đói khát mệt nhọc, muỗi mòng châm chích, thế nhưng người ấy vẫn phải làm việc để mong kiếm được tiền của. Người thiện nam kia bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và than rằng: “Luống công làm lụng, khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả!” Trái lại, nếu người thiện nam ấy bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy mà kiếm được tiền của thì sanh tâm mến tiếc, gìn giữ, cất giấu. Vì sao như vậy? Vì người ấy nghĩ: “Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tiền của mà không sinh lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu.” Kẻ đó giữ gìn, cất giấu như vậy, nhưng nếu không may bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại hay mất mát thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và than vãn: “Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn!” Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh với con, con tranh với mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống là người ngoài. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước kia. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chém. Trong khi giao đấu thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuẫn rồi xông

pha trận mạc; hoặc dùng các phương tiện như voi, ngựa, xe, bộ binh để đánh nhau, hoặc cho nam nữ đánh nhau. Trong khi giao chiến thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

[0585b04] Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuấn, để đi chiếm đoạt nước người, đánh thành, phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, lớn tiếng chửi bới; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc sử dụng bánh xe sắc bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc nấu chảy đồng rồi đổ lên người. Trong khi giao chiến thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm đao vào thôn xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tiền của, chặn đường đi lại, hoặc đến các ngõ hẻm nơi khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Khi đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem tra khảo đủ cách, hoặc chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhốt vào cũi rồi quấn vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ phía trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt, hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén đâm, hoặc lấy móc sắt mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi gội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rết mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đầu rồi bêu trên cây. Trong những trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm vật vã trên đất vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở vô cùng, khổ đến nỗi không còn ưa thích gì nữa. Người mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì khi sắp chết bị nghiệp ác che lấp trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn thì bóng ngọn núi lớn phủ lên mặt đất. Và như vậy, người ấy bị những nghiệp ác của thân, của miệng và của ý che lấp trước mắt, họ nghĩ rằng: “Các việc ác mà ta làm trước kia, bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Do trước kia ta không tạo phước quả mà lại tạo nhiều nghiệp ác. Giả sử có kẻ tánh tình hung bạo, chỉ làm ác, tạo tội chứ không làm phước, không làm thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không có chỗ nương nhờ, không chỗ quay về, kẻ ấy sanh về cõi nào thì ta chắc chắn sẽ sanh

về nơi đó!” Do đó, người ấy sanh hôi hặn mà chết không an lành, chết không được phước. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

[0585c07] Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Chúng sanh ấy vì thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác nên nhân nơi đây, duyên nơi đây, sau khi qua đời phải đến chỗ ác, đọa vào địa ngục. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời sau, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Đó là tai họa của dục.

Thế nào là sự xuất ly của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt hết dục, vượt khỏi dục, đó là sự xuất ly của dục.

Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất ly của dục thì không bao giờ có thể tự đoạn dục cho mình, huống nữa là đoạn dục cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất ly của dục thì có thể tự đoạn dục cho mình và cũng có thể đoạn dục cho người khác.

Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp yêu kiều. Nếu nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ thì vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của sắc thì rất nhiều.

Thế nào là tai họa của sắc? Nếu về sau thấy các cô gái ấy già cả suy yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, đi phải chống gậy, tuổi trẻ suy tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư tổn thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia hư hoại mà sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Lại nữa, nếu thấy các cô gái ấy bị bệnh nằm liệt giường hoặc vật vã trên đất, vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở cùng cực thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia hư hoại mà sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Lại nữa, nếu thấy xác chết của các cô gái ấy từ một hai ngày cho đến sáu bảy ngày, đang bị quạ điều bươi mổ, chó sói cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn cất, thấy đều bị mục nát hư hoại thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng?

[0586a01] – Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa, đã tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mát khắp nơi: Xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương chậu, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, hư hại mục nát thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại và sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

– Đó là những tai họa của sắc. Thế nào là sự xuất ly của sắc? Nếu đoạn trừ sắc, xả ly sắc, diệt hết sắc, vượt khỏi sắc. Đây gọi là sự xuất ly của sắc.

Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự xuất ly của sắc thì sẽ không bao giờ có thể tự đoạn trừ sắc cho mình huống nữa là đoạn trừ sắc cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự xuất ly của sắc thì có thể tự đoạn trừ sắc cho mình và còn có thể đoạn trừ sắc cho người khác.

Thế nào là vị ngọt của thọ? Đó là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, thành tựu và an trú,... (cho đến) Thiên thứ tư. Lúc đó, vị ấy không nghĩ đến việc tự hại cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại thì đó là vị ngọt của thọ lạc. Vì sao như vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được sự thọ lạc. Đây là vị ngọt của thọ.

Thế nào là tai họa của thọ? Thọ là pháp vô thường, khổ và hoại diệt. Đó là tai họa của thọ.

Thế nào là sự xuất ly của thọ? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt hết thọ, vượt qua thọ. Đây gọi là sự xuất ly của thọ.

Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ và sự xuất ly của thọ thì sẽ không bao giờ có thể tự đoạn trừ cảm thọ cho mình huống nữa là đoạn trừ cảm thọ cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ và sự xuất ly của thọ thì có thể tự đoạn trừ cảm thọ cho mình và còn có thể đoạn trừ cảm thọ cho người khác.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.



## 100. KINH KHỔ ẨM<sup>1</sup> (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ tại vườn Ni-câu-loại, thành Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ, sau buổi trưa, Thích Ma-ha-nam thong thả đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con biết pháp của Thế Tôn như vậy, khiến cho tâm con diệt được ba thứ cấu uế, đó là tâm cấu uế do tham lam,<sup>2</sup> tâm cấu uế do giận dữ và tâm cấu uế do si mê. Bạch Thế Tôn! Con biết pháp này như vậy nhưng trong tâm con vẫn còn sanh các pháp tham lam, pháp giận dữ và pháp si mê. Bạch Thế Tôn! Con suy nghĩ rằng: “Ta còn điều gì chưa được diệt trừ, để khiến cho tâm ta lại sanh pháp tham lam, pháp giận dữ và pháp si mê?”

Thế Tôn dạy:

– Nay Ma-ha-nam! Ông còn một điều chưa được diệt trừ, đó là ông sống tại gia, chưa có niềm tin tha thiết để rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Nay Ma-ha-nam, nếu ông diệt được điều này, ông sẽ không sống tại gia mà với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Bởi vì ông còn một điều chưa được diệt trừ, đó là sống tại gia, chưa có niềm tin tha thiết để rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo.

Khi ấy, Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chấp tay hướng về đức Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy thuyết pháp cho con nghe, khiến tâm con được thanh tịnh, trừ nghi và chứng đạo.

Đức Phật dạy:

– Nay Ma-ha-nam! Có năm loại tham muốn đáng yêu, đáng nhớ, đáng vui thích, liên quan đến dục khiến chúng sanh vui mừng. Là năm loại nào? Đó là sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Do đây mà vua và quyền thuộc của

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Khổ ẩm kinh*, 苦陰經, 下 (T.01. 0026.100. 0586b04). Tham chiếu: *Thích Ma-ha-nam bốn tử tử kinh* 釋摩男本四子經 (T.01. 0054. 0848b03); *Khổ ẩm nhân sự kinh* 苦陰因事經 (T.01. 0055. 0849b23); *Tăng*, 增 (T.02. 0125.41.1. 0744a02); *M. 14, Cūḷadukkhakkhandha Sutta* (Tiểu kinh khổ uẩn).

<sup>2</sup> Nguyên tác: Nhiễm (染), cách gọi khác chỉ cho tham lam. Theo *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (T.30. 1579.84. 0770c0): “Nhiễm” nghĩa là tham đắm vào việc thọ dụng (染者: 謂樂著受用故).

vua được an lạc hoan hỷ. Này Ma-ha-nam! Vị ngọt của dục thì chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn, nhưng tai họa của dục lại rất nhiều.

Này Ma-ha-nam! Thế nào là tai họa của dục? Ví như có người thiện nam tùy theo nghề nghiệp của mình mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, hoặc thông số thuật, hoặc khéo in khắc, hoặc làm văn chương, hoặc tạo bút tích, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc hầu hạ vua; dù thời tiết lạnh phải cam chịu lạnh, gặp trời nắng nóng vẫn phải chịu nóng, đói khát mệt nhọc, muỗi mòng châm chích, thế nhưng người ấy vẫn phải làm việc để mong kiếm được tiền của. Bằng những phương tiện như vậy, người thiện nam đó làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và than rằng: “Luống công làm lụng, khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả!” Trái lại, nếu bằng những phương tiện như vậy, người thiện nam đó làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy mà kiếm được tiền của thì sanh tâm mến tiếc, gìn giữ, cất giấu, vì sao như vậy? Vì họ nghĩ: “Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tiền của mà không sinh lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu.” Người đó giữ gìn, cất giấu như vậy, nhưng nếu không may bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và than vãn: “Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn!” Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

[0586c11] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con, dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước khác. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chém. Trong khi giao đấu có kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuấn rồi xông pha trận mạc; hoặc dùng các phương tiện như voi, ngựa, xe, bộ binh để đánh nhau, hoặc cho nam nữ đánh nhau. Trong khi giao chiến thì có

kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên hoặc đao, thuần, để đi tranh đoạt nước người, đánh thành, phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, lớn tiếng chửi bới; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc sử dụng bánh xe sắc bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc nấu chảy đồng rồi đổ lên người. Trong khi giao chiến thì có kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

[0587a05] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm đao thuần, để vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị mà đục vách, phá kho, cướp đoạt tiền của, chặn đường đi lại, hoặc đến các ngõ hẻm nơi khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Khi đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem tra khảo đủ cách: Hoặc chặt tay, chặt chân hoặc chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi hoặc bị cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhốt vào cũi rồi quán vãi hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ phía trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén đâm, hoặc lấy móc sắt mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rết mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thầy bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đầu rồi treo bêu trên cây. Trong những trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam! Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường hoặc nằm vật vã trên đất vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở vô cùng, khổ đến nỗi không còn ưa thích gì nữa. Người để thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác thì khi sắp qua đời, bị nghiệp ác che lấp trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn thì bóng ngọn núi lớn phủ lên mặt đất. Và như vậy, người ấy bị những nghiệp ác của thân, của miệng và của ý che lấp trước mắt, họ nghĩ rằng: “Các việc ác mà ta làm trước kia, bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Do trước kia ta không tạo phước quả mà lại tạo nhiều nghiệp ác. Giả sử có kẻ tánh tình hung bạo, chỉ làm ác, làm tội chứ không làm phước, không làm thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương nhờ, không chỗ quay về; kẻ ấy sanh về cõi nào thì chắc chắn ta sẽ sanh về nơi đó!” Do đó, người ấy sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước.

Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

[0587b02] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Chúng sanh ấy vì thân, miệng và ý tạo nghiệp ác nên nhân nơi đây, duyên nơi đây, sau khi qua đời phải đến chỗ ác, đọa vào địa ngục. Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay đời sau, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Này Ma-ha-nam! Vì vậy nên biết, dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có khổ họa không thể kể xiết. Bậc Thánh đệ tử đa văn mà không biết đúng như thật thì vị ấy sẽ bị dục che lấp, chẳng được an lạc thanh thoi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vị Thánh đệ tử đa văn này sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

Này Ma-ha-nam! Ta biết là dục không có lạc mà chỉ có khổ họa không thể kể xiết. Này Ma-ha-nam, Ta biết đúng như thật nên không bị dục che lấp, cũng không bị pháp ác ràng buộc. Vì vậy, Ta được an lạc thanh thoi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

Này Ma-ha-nam! Một hôm Ta du hóa nơi thành Vương Xá, trú trong hang Thất Diệp của tiên nhân trên núi Tỳ-đà-la.<sup>3</sup> Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Ta rời nơi tĩnh tọa, đi đến Quảng sơn<sup>4</sup> và thấy ở đó có nhiều vị Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng chứ không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi:

“Này các Ni-kiền! Vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng chứ không ngồi, phải chịu khổ sở như vậy?”

Họ trả lời như vậy:

“Thưa Cù-đàm! Chúng tôi có Tôn sư Ni-kiền tên là Thân Tử, ngài dạy chúng tôi rằng: ‘Này các Ni-kiền! Nếu kiếp trước các ông đã tạo nghiệp bất thiện thì nay nhờ khổ hạnh này mà các tội lỗi kia sẽ được tiêu trừ. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của miệng và diệu hạnh của ý thì nhờ nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, không tạo nghiệp bất thiện.’”

Này Ma-ha-nam, Ta hỏi lại:

“Này các Ni-kiền! Các ông tin tưởng Tôn sư, không hề nghi ngờ gì chẳng?”

Họ trả lời ta:

“Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Chúng tôi tin tưởng Tôn sư của mình, không hề nghi ngờ gì cả.”

Này Ma-ha-nam, Ta lại hỏi:

“Này các Ni-kiền! Nếu quả như vậy thì Tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các nghiệp ác bất thiện rất nặng. Vị ấy trước kia vốn là Ni-kiền đã

<sup>3</sup> Tỳ-đà-la sơn Tiên nhân Thất Diệp ốc (鞞哆羅山仙人七葉屋). Tỳ-đà-la sơn (鞞哆羅山): Ngon núi Vebhāra, một trong 5 ngọn núi quanh thành Vương Xá (王舍, Rājagaha). Thất Diệp ốc (七葉屋) là hang Thất Diệp (Sattapaṇṇiguhā).

<sup>4</sup> Quảng sơn (廣山, Vepulla) là một trong 5 ngọn núi ngoài thành Vương Xá.

qua đời và nay sanh vào nhân gian xuất gia làm Ni-kiền tu hạnh không ngồi, thường đứng chứ không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như các ông và hàng đệ tử của mình.”

Họ lại nói với Ta:

“Thưa Cù-đàm! Hạnh phúc không nương vào hạnh phúc mà có, do khổ đau mới có hạnh phúc. Như hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không thể bằng được.”

[0587c01] Ta lại nói:

“Các ông cuồng si nên nói những lời vô nghĩa. Vì sao như vậy? Vì các ông không khéo léo, không hiểu rõ và cũng không biết thời nên các ông mới nói: ‘Như hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không thể bằng được!’ Nay các Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: ‘Giữa Vua Tần-tỳ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai hạnh phúc hơn?’ Nay các Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng hạnh phúc của Ta hơn, Vua Tần-tỳ-sa-la không bằng thì này các Ni-kiền, các ông có thể nói: ‘Hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la, Sa-môn Cù-đàm không bằng.’”

Các Ni-kiền đó liền nói:

“Thưa Cù-đàm! Nay chúng tôi muốn hỏi, giữa Vua Tần-tỳ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm thì ai hạnh phúc hơn?”

Ta lại nói:

“Này các Ni-kiền, Ta nay hỏi các ông, hãy trả lời theo sự hiểu biết của mình. Ý các ông thế nào? Vua Tần-tỳ-sa-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý,<sup>5</sup> nhân đó mà được hoan hỷ, được hân hoan trong bảy ngày bảy đêm không?”

Các Ni-kiền đáp:

“Không được, thưa Cù-đàm!”

“Vậy có được hoan hỷ, được hân hoan trong vòng sáu ngày sáu đêm, cho đến hoặc năm, bốn, ba, hai hoặc một ngày một đêm không?”

Các Ni-kiền đáp:

“Không được, thưa Cù-đàm!”

Ta lại hỏi:

“Này các Ni-kiền! Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, được hân hoan trong một ngày một đêm không?”

Các Ni-kiền đáp:

“Đạt được, thưa Cù-đàm!”

<sup>5</sup> Tham chiếu: M. 14 ghi là *Aniñjamāno kāyena abhāsamāno vācam satta rattidivāni...* (thân bất động, không nói lời nào suốt 7 ngày đêm). *Thích Ma-nam bốn từ từ kinh* 釋摩男本四子經 (T.01. 0054. 0849a29): Bất ngữ ngôn, như thị vi lạc da? (不語言, 如是為樂耶).

“Vậy có được hoan hỷ, được hân hoan trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày bảy đêm không?”

Các Ni-kiền đáp:

“Đạt được, thưa Cù-đàm!”

Ta lại hỏi tiếp:

“Này các Ni-kiền! Ý các ông thế nào? Như vậy, ai hạnh phúc hơn, Vua Tần-tỳ-sa-la hay là Ta?”

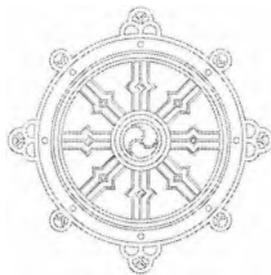
Các Ni-kiền đáp:

“Thưa Cù-đàm! Qua sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm chúng tôi đã hiểu rõ, Sa-môn Cù-đàm hạnh phúc hơn, Vua Tần-tỳ-sa-la không thể sánh bằng.”

Này Ma-ha-nam! Vì vậy nên biết, dục không có lạc, chỉ có khổ đau và tai họa không kể xiết. Vị Thánh đệ tử đa văn nên thấy như vậy. Nếu Thánh đệ tử đa văn không thấy đúng như vậy thì sẽ bị dục ngăn che, bị các pháp ác và bất thiện trói buộc, không đạt được an lạc thanh thoi và tịch tĩnh tối thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ bị dục làm cho thoái chuyển.

Này Ma-ha-nam! Ta biết dục không có lạc, chỉ có khổ đau và tai họa vô lượng. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị các pháp ác và bất thiện ràng buộc. Vì vậy, Ta được an lạc thanh thoi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không bị dục làm thoái chuyển.

Đức Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.



# 101. KINH TÂM TĂNG THƯỢNG<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu Tỳ-kheo muốn tâm tăng thượng<sup>2</sup> thì cần phải thường xuyên suy niệm năm tướng. Sau khi thường xuyên suy niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

Năm tướng đó là những gì? Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng với thiện. Nếu tâm niệm bất thiện phát sanh thì vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến tâm niệm xấu ác, bất thiện không sanh khởi. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác đã diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Giống như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng. Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm xấu ác, bất thiện không sanh khởi. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm xấu ác, bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác đã diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm an trú trong thiền định thì phải luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh khởi niệm bất thiện thì vị đó quán rằng: “Niệm xấu ác này là tai họa, niệm này là bất thiện, niệm này là xấu ác, niệm này bị người trí ghét, nếu niệm này đầy dẫy thì không được trí thông, không thể đắc đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh ra các niệm xấu ác, bất thiện!” Vị Tỳ-kheo đó quán sát về các niệm xấu ác như vậy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Khi niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (T.01. 0026.101. 0588a03). Tham chiếu: M. 20, *Vitakkasāṇhāna Sutta* (Kinh an trú tâm).

<sup>2</sup> Tăng thượng tâm (增上心, *adhicitta*): Tâm cao thượng, tâm an trú trong thiền định.

như có vị thiếu niên tuấn tú, đáng yêu, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp, dùng hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến thân thể rất sạch sẽ. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc thầy người đã bầm xanh, sinh chương, thổi rữa, rỉ nước dơ rồi đeo vào cổ người ấy thì người ấy liền góm ghieéc nên không vui, không thích. Tỳ-kheo cũng vậy, vị nào quán sát: “Niệm xấu ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là xấu, niệm này bị người trí ghét, nếu niệm này đầy đầy thì sẽ không được trí thông, không thể đắc đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh khởi các niệm xấu ác, bất thiện.” Vị Tỳ-kheo đã quán niệm xấu ác như vậy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì phải luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

[0588b11] Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi; khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện lại sanh khởi nữa thì Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví như người có mắt, cảnh sắc nằm nơi ánh sáng nhưng không muốn nhìn nên người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lảng tránh đi. Ý các thầy thế nào? Cảnh sắc tuy nằm nơi ánh sáng nhưng người đó có thể cảm nhận được tướng trạng của sắc không?

Đáp rằng:

– Thưa không!

– Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì cần phải suy niệm về tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi; khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện cũng sanh khởi và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi thì Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, khiến không sanh niệm xấu ác, bất thiện. Khi vì niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví như có người đi đường, bước nhanh trên đường rồi người đó nghĩ: “Tại sao ta đi nhanh? Bây giờ, ta hãy đi

chậm lại được chăng?” Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta đi chậm? Sao ta chẳng đứng lại?” Người ấy liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?” Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?” Người ấy liền nằm xuống. Như vậy, người ấy đang thực hành cách dừng nghỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo khi đang suy niệm tướng này cũng giống như thế. Vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dần suy niệm của mình để không sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy giảm dần suy niệm của mình thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì phải luôn suy niệm tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

[0588c13] Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi, khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện cũng sanh khởi, khi không suy niệm về niệm đó mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi, cho đến phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi thì vị ấy nên quán như vậy: “Tỳ-kheo vì nhân nơi suy niệm này mà sanh khởi niệm bất thiện thì phải liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm để tu tâm,<sup>3</sup> nắm vững và hàng phục tâm, khiến không sanh khởi niệm xấu, bất thiện.” Khi vị Tỳ-kheo ấy dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Như hai lực sĩ bắt một người gầy yếu, giữ chặt và bắt quy phục; Tỳ-kheo khi suy niệm tướng này cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm để không sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi Tỳ-kheo dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì phải luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

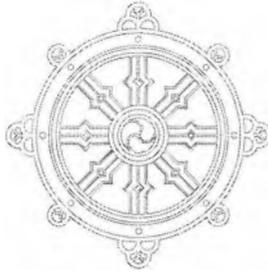
Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì cần phải luôn suy niệm về năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

<sup>3</sup> Nguyên tác: Dĩ tâm tu tâm (以心修心): Dùng tâm để chế ngự niệm bất thiện.

Nếu Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng với thiện thì khi ấy không sanh khởi niệm xấu ác, khi quán niệm xấu ác là tai họa thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác, khi không suy niệm về niệm đó thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác và khi dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác. Khi đó, vị ấy liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm.

Nếu Tỳ-kheo muốn suy niệm thì suy niệm, không muốn suy niệm thì không suy niệm, đó gọi là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong suy niệm, tự tại trong các con đường suy niệm.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.



## 102. KINH NIỆM<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, khi chưa giác ngộ quả vị Vô thượng Chánh chân, Như Lai nghĩ rằng: “Ta hãy chia các niệm<sup>2</sup> ra làm hai phần. Một phần là niệm dục, niệm sân, niệm hại và một phần là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại.” Sau đó, Ta liền chia các niệm ra làm hai phần, một phần là niệm dục, niệm sân, niệm hại và một phần là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại.

Thế rồi, Ta thực hành như vậy, sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Nếu có niệm dục phát sanh thì Ta liền nhận biết là đang có niệm dục phát sanh, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn. Khi đã phân biệt rõ<sup>3</sup> niệm dục hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn thì niệm dục biến mất nhanh chóng.<sup>4</sup> Nếu có niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta liền nhận biết đang có niệm sân, niệm hại phát sanh và chúng sẽ đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn. Khi đã phân biệt rõ niệm sân, niệm hại sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn thì niệm sân, niệm hại biến mất nhanh chóng.

Khi niệm dục phát sanh thì Ta không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Khi niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta cũng không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Vì sao như vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối mùa xuân, vì lúa đã gieo nên đất thả bò bị thu hẹp lại, do vậy những đứa trẻ chăn bò sẽ thả bò nơi đầm hoang, nếu thấy

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Niệm kinh* 念經 (T.01. 0026.102. 0589a11). Tham chiếu: M. 19, *Dvedhāvitakka Sutta* (*Kinh song tâm*).

<sup>2</sup> Niệm (念) còn gọi là “tâm” (尋), là “thiền chi”, thuộc Sơ thiền, bản Hán thường dịch là “giác” (覺, *vitakka*). *Vibh.* 565 đã giải thích: *Tattha katamo vitakko? Yo takko vitakko saṅkappo appanā byappanā cetaso abhiniropanā sammāsaṅkappo, ayam vuccati ‘vitakko’* (Những gì được gọi là “tâm”? (i) Suy nghĩ; (ii) Tưởng nhớ; (iii) Sự suy xét; (iv) An chỉ (chú tâm); (v) Vô cùng an chỉ (tập trung hướng tâm); (vi) Tâm được an trí (tâm khấn khít với cảnh); (vii) Chánh tư duy. Những yếu tố đó được gọi là “tâm”).

<sup>3</sup> Nguyên tác: Giác (覺): Suy nghĩ thấu đáo (深慮). Pāli: *Paṭisañcikkhati*, đã phân biệt rõ ràng, đã suy nghĩ xong.

<sup>4</sup> Tham chiếu: M. 19: “Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: ‘Dục tâm này đưa đến tự hại’, dục tâm được biến mất” (HT. Thích Minh Châu dịch).

bò vào ruộng người khác thì chúng liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao như vậy? Vì những đứa trẻ chăn bò biết rằng nhân việc bò giẫm đạp ruộng lúa thì chúng sẽ bị mắng, bị đánh, bị trói, bị bắt lỗi nên chúng phải cầm roi ngăn lại. Như Lai cũng vậy, khi niệm dục phát sanh thì Ta không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Khi niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta cũng không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Vì sao như vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện.

[0589b05] Nay Tỳ-kheo! Tùy theo sự quán sát,<sup>5</sup> tùy theo sự suy tưởng<sup>6</sup> của mình mà tâm liền ưa thích ở nơi đó.<sup>7</sup>

Nếu Tỳ-kheo suy tưởng quá nhiều về niệm dục thì sẽ đánh mất niệm vô dục, vì khi suy tưởng quá nhiều về niệm dục thì tâm liền ưa thích ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng quá nhiều về niệm sân và niệm hại thì sẽ đánh mất các niệm vô sân và vô hại, vì khi suy tưởng quá nhiều về niệm sân và niệm hại thì tâm liền ưa thích ở trong đó. Như vậy, nếu Tỳ-kheo không buông bỏ được niệm dục, không buông bỏ được niệm sân và niệm hại thì sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc than và cũng không thể thoát ly được tất cả khổ đau.

Như Lai thực hành như vậy, sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Nếu niệm vô dục phát sanh, Ta liền biết có niệm vô dục đang phát sanh và chúng không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn. Khi đã nhận biết không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn, Ta liền nhanh chóng tu tập một cách rộng rãi.

Nếu niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh, Ta cũng liền biết có niệm vô sân và niệm vô hại đang phát sanh và chúng không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn. Khi đã nhận biết không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn, Ta liền nhanh chóng tu tập một cách rộng rãi.

Khi niệm vô dục phát sanh thì Ta quán sát và suy tưởng<sup>8</sup> quá nhiều; khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh thì Ta lại quán sát và suy tưởng quá nhiều.

<sup>5</sup> Nguyên tác: Tư (思), cũng gọi là “quán” (觀), hoặc là “tứ” (伺, *vicāra*). *Vbh.* 565 đã giải thích: *Tattha katamo vicāro? Yo cāro vicāro anuvicāro upavicāro cittassa anusandhanatā anupekkhanatā - ayam vuccati vicāro* (Những gì được gọi là “tứ” (*vicāra*): (i) Sự giữ gìn cảnh; (ii) Tư sát; (iii) Theo sau tư sát; (iv) Thân cận tư sát; (v) Tâm tùy thuộc; (vi) Sự cân nhắc trong suy nghĩ. Những yếu tố đó được gọi là “tứ”).

<sup>6</sup> Nguyên tác: Niệm (念). Bản Hán dịch là “giác” (覺), hoặc là “tầm” (尋). Xem chú thích trên.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Tùy sở tư, tùy sở niệm, tâm tiện lạc trung (隨所思, 隨所念, 心便樂中). Tham chiếu: *M. 19: Yaññadeva, bhikkhave, bhikkhu bahulamānūvitakketi anuvicāreti, tathā tathā nati hoti cetaso* (Chư Tỳ-kheo, nếu vị Tỳ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thì tâm sinh khuynh hướng đối với vấn đề ấy), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>8</sup> Nguyên tác: Đa tư niệm (多思念): Quán sát và suy tưởng quá nhiều, tức tập trung cả “giác và quán” (*vitakkavicāra*).

Ta lại suy nghĩ: “Nếu quán sát và suy tưởng quá nhiều thì thân mệt mỏi, hỷ sẽ mất<sup>9</sup> và tâm sẽ bị tổn hại. Ta nên đối trị nội tâm, khiến tâm thường trụ, tĩnh lặng, chuyên nhất và được định tĩnh, để tâm không bị tổn hại.” Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, khiến tâm thường trụ, tĩnh lặng, chuyên nhất và được định tĩnh nên tâm không bị tổn hại.

Niệm vô dục đã phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của giáo pháp.<sup>10</sup> Khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của giáo pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh ra các pháp xấu ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, khi thóc lúa đã được gặt hết, lúc đó những đứa trẻ chăn bò thả bò nơi đồng ruộng và nghĩ rằng: “Bò của mình đang ở trong đây.” Vì sao như vậy? Vì lũ trẻ không thấy rằng nhân việc thả bò mà chúng sẽ bị mắng, bị đánh, bị trói, bị bắt lỗi, nên chúng nó nghĩ: “Bò của mình đang ở trong đây.” Như Lai cũng vậy, khi niệm vô dục đã phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của pháp. Khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh rồi, lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh ra các pháp xấu ác, bất thiện.

[0589c05] Nay Tỳ-kheo! Tùy theo sự quán sát, tùy theo sự suy tưởng của mình mà tâm liền vui thích ở nơi đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục. Suy tưởng nhiều về niệm vô dục nên tâm ưa thích ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng nhiều về niệm vô sân và niệm vô hại thì cũng sẽ xả bỏ niệm sân, niệm hại. Suy tưởng nhiều về niệm vô sân, niệm vô hại thì tâm ưa thích ở trong đó. Vị Tỳ-kheo đó, khi giác và quán<sup>11</sup> đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, không giác không quán. Vị ấy lại lìa hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là xả, niệm, an trú lạc, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Vị ấy lại buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ đã có trước đó, chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Như vậy, Tỳ-kheo được định tâm, thanh tịnh, không ô uế, không phiền não, nhu hòa, khéo an trụ, được tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền nhận biết như thật đây là khổ, biết đây là nguyên nhân của khổ, biết đây là khổ diệt và biết như thật đây là con đường đưa đến khổ diệt. Vị Tỳ-kheo đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi thì tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật

<sup>9</sup> Nguyên tác: Thân định hỷ vong (身定喜亡). Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Thân hỷ vong (身喜亡). Tham chiếu: *M. 19: Api ca kho me aticiraṃ anuvitakkayato anuvicārayato kāyo kilameyya. Kāye kilante cittaṃ ūhaññeyya. Ūhate citte ārā cittaṃ samādhimhāti.* (Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động, tâm rất khó được định tĩnh), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>10</sup> Nguyên tác: Hướng pháp thứ pháp (向法次法), tức thực hành giáo pháp, theo từng bước tuần tự.

<sup>11</sup> Nguyên tác: Giác quán dĩ tức (覺觀已息), tức là “tư” (思) và “niệm” (念), cũng là “tầm” (尋) và “tứ” (伺), cũng chính là quán sát và suy tưởng, như đã nói trên.

rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

Khi vị Tỳ-kheo này đã lia niệm dục, lia niệm sân và lia niệm hại thì vị ấy được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, than khóc và thoát ly tất cả khổ đau. Ví như trong khu rừng có suối nước lớn, một bầy nai nọ đến đó rong chơi. Có người đến đó, vì không muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích, cho nên liền rào con đường bằng phẳng, mở một con đường nguy hiểm, lại còn đào hầm hố lớn, rồi cho người canh giữ. Làm như vậy thì chắc chắn bầy nai sẽ chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích, liền mở con đường bằng phẳng, rào con đường hiểm, đuổi người canh giữ, thế là bầy nai được cứu thoát an ổn.

Này các Tỳ-kheo! Nên biết, Ta nói ví dụ này là muốn để các thầy biết rõ ý nghĩa, người trí tuệ nghe ví dụ này liền hiểu rõ ý nghĩa. Ví dụ đó với ý nghĩa, suối nước lớn là năm loại dục đáng yêu, đáng nhớ, đáng ưa thích. Những gì là năm? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị và thân xúc chạm. Suối nước lớn nên biết đó là năm loại dục. Bầy nai nên biết đó là Sa-môn, Bà-la-môn. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích nên biết đó là Ma Ba-tuần. Rào con đường bằng phẳng, mở một đường nguy hiểm, đó là ba niệm xấu ác, bất thiện là niệm dục, niệm sân và niệm hại. Đường hiểm nên biết đó là ba niệm xấu ác, bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám con đường tà, từ tà kiến,... (cho đến) tà định. Đào hầm hố lớn nên biết đó là vô minh. Người canh giữ nên biết đó là quyền thuộc của Ma Ba-tuần. Còn người đi đến muốn cho bầy nai được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích nên biết đó chính là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Rào con đường hiểm, mở con đường bằng phẳng, đó là ba niệm thiện là niệm vô dục, niệm vô sân và niệm vô hại. Đường bằng phẳng nên biết đó chính là ba niệm thiện. Lại còn có con đường bằng phẳng, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến,... (cho đến) chánh định.

Này các Tỳ-kheo, Ta đã khai mở con đường bằng phẳng, rào chắn con đường hiểm nguy, san bằng các hầm hố, dẹp bỏ những người canh chừng. Ví như vị Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn đệ tử được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan thì nay Như Lai cũng vậy. Như Lai đã tu tập rồi, các thầy cũng phải tự mình tu tập, hãy đến nơi thanh vắng, bên gốc cây ở trong rừng núi, hoặc chỗ nào yên tĩnh mà tọa thiền tư duy, chớ buông lung, hãy tinh tấn chuyên cần, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời khuyên răn của Như Lai. Đó là lời dạy bảo của Như Lai .

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.<sup>12</sup>

<sup>12</sup> Bản Hán, hết quyển 25.

## 103. KINH TIẾNG RỒNG SƯ TỬ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiể-ma-sắt-đàm, thuộc nước Câu-lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong giáo pháp của Như Lai mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư;<sup>2</sup> ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà các thầy hãy chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy.

Này Tỳ-kheo, nếu có ngoại đạo đến hỏi các thầy: “Này chư Hiền! Các ông có phẩm hạnh gì, có năng lực gì, có trí tuệ gì mà các ông dám nói ‘chỉ nơi đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà các thầy hãy chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy?’”

Này Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời ngoại đạo ấy rằng: “Này chư Hiền! Đức Thế Tôn của tôi là bậc thầy biết chân chánh, là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói ‘chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy.’”

Bốn pháp đó là những gì? Này chư Hiền! Chúng tôi tin tưởng đấng Tôn sư, tin Pháp, tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức và đồng đạo chúng tôi thương yêu, kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Này chư Hiền! Đức Thế Tôn của chúng tôi, bậc thầy biết chân chánh, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói ‘chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy.’”

<sup>1</sup> Quyển 26. Nguyên tác: *Sư tử hồng kinh* 師子吼經 (T.01. 0026.103. 0590b05). Tham chiếu: Tăng. 增 (T.02. 0125.27.2. 0643c02); M. 11, *Cūḷasihanāda Sutta* (Tiểu kinh sư tử hồng).

<sup>2</sup> Tức 4 quả Sa-môn, từ Sơ quả Tu-đà-hoàn (須陀洹, *Sotāpannaphala*) đến Tứ quả A-la-hán (阿羅漢, *Arahantphala*).

Này Tỳ-kheo! Nếu ngoại đạo lại nói: “Này chư Hiền! Chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư của chúng tôi; tin Pháp, tức Pháp của chúng tôi; tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức, tức Giới của chúng tôi; đồng đạo chúng tôi cũng thương yêu, kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau, tức những pháp hữu xuất gia và cư sĩ của chúng tôi. Này chư Hiền! Giữa hai lời nói này, của Sa-môn Cù-đàm và của chúng tôi thì có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chăng?”

Này Tỳ-kheo, các thầy nên hỏi ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?”

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo trả lời: “Này chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiều.”

Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, người có dục sẽ đạt được cứu cánh hay người không có dục sẽ đạt được cứu cánh?”

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: “Này chư Hiền, người không có dục mới đạt được cứu cánh, còn người có dục thì không đạt được cứu cánh.”

Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, người có sân sẽ đạt được cứu cánh hay người không có sân sẽ đạt được cứu cánh?”

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: “Này chư Hiền, người không có sân mới đạt được cứu cánh, còn người có sân không đạt được cứu cánh.”

Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, người có si sẽ đạt được cứu cánh hay người không có si sẽ đạt được cứu cánh?”

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: “Này chư Hiền, người không có si mới đạt được cứu cánh, còn người có si không đạt được cứu cánh.”

[0590c15] Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, người có ái, có thủ<sup>3</sup> sẽ đạt được cứu cánh hay người không có ái, không có thủ sẽ đạt được cứu cánh?”

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: “Này chư Hiền, người không có ái, không có thủ mới đạt được cứu cánh, còn người có ái, có thủ không đạt được cứu cánh.”

Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp: “Này chư Hiền, người không có tuệ, không thuyết giảng tuệ sẽ đạt được cứu cánh hay người có tuệ, có thuyết giảng tuệ sẽ đạt được cứu cánh?”

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: “Này chư Hiền, người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mới đạt được cứu cánh, còn người không tuệ, không thuyết giảng tuệ sẽ không đạt được cứu cánh.”

Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp: “Này chư Hiền, người có ganh ghét, có tranh chấp sẽ đạt được cứu cánh hay người không ganh ghét, không tranh chấp sẽ đạt được cứu cánh?”

<sup>3</sup> Nguyên tác: Thọ (受), dùng như “thủ” (取, *upādāna*).

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: “Này chư Hiền, người không ganh ghét, không tranh chấp mới đạt được cứu cánh, còn người có ganh ghét, có tranh chấp không đạt được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy nói với ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, như vậy là các vị đã nói có một cứu cánh chứ không phải có nhiều cứu cánh. Vì người không có dục mới đạt được cứu cánh, còn người có dục không đạt được cứu cánh; người không có sân mới đạt được cứu cánh, còn người có sân không đạt được cứu cánh; người không có si mới đạt được cứu cánh, còn người có si không đạt được cứu cánh; người không có ái, không có thủ mới đạt được cứu cánh, còn người có ái, có thủ không đạt được cứu cánh; người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mới đạt được cứu cánh, còn người không có tuệ, không có thuyết giảng tuệ không đạt được cứu cánh; người không có ganh ghét, không có tranh chấp mới đạt được cứu cánh, còn người có ganh ghét, có tranh chấp không đạt được cứu cánh.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nương vào vô số học thuyết thì người đó nhất định sẽ nương vào hai loại học thuyết này:<sup>4</sup> Thuyết cho rằng thế giới là thường hằng và thuyết cho rằng thế giới là đoạn diệt. Nếu nương nơi thuyết thế giới là thường hằng, vị đó liền vướng mắc vào thuyết thường hằng, nương tựa vào thuyết thường hằng, cố chấp vào thuyết thường hằng, thành ra ganh ghét, tranh chấp với thuyết đoạn diệt. Nếu nương nơi thuyết thế giới đoạn diệt, vị đó liền vướng mắc vào thuyết đoạn diệt, nương tựa vào thuyết đoạn diệt, cố chấp vào thuyết đoạn diệt, thành ra ganh ghét, tranh chấp với thuyết thường hằng.

[0591a11] Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật về nguyên nhân, sự tập khởi, sự đoạn diệt, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ly thì vị đó nhất định có dục, có sân, có si, có ái, có thủ, không có tuệ, không thuyết giảng tuệ, có ganh ghét, có tranh chấp, vị đó không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, than khóc, lo buồn, ảo não, không thể vượt thoát khổ đau.

Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với hai học thuyết này mà biết đúng như thật về nguyên nhân, sự tập khởi, sự đoạn diệt, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ly thì vị đó nhất định không có dục, không có sân, không có si, không có ái, không có thủ, có tuệ, có thuyết giảng tuệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vị đó thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng thoát khỏi sự buồn rầu, than khóc, khổ não và vượt thoát khổ đau.

Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương

<sup>4</sup> Nguyên tác: Nhị kiến, hữu kiến cập vô kiến (二見, 有見及無見, *bhavadiṭṭhi ca vibhavadiṭṭhi*), cũng gọi là “đoạn kiến” (斷見) và “thường kiến” (常見). (i) Đoạn kiến cũng gọi là “vô kiến” (無見): Vọng kiến cố chấp cho rằng thân tâm chúng sanh đoạn diệt (chết) rồi không tiếp tục sanh ra nữa; (ii) Thường kiến cũng gọi là “hữu kiến” (有見): Vọng kiến cố chấp cho rằng thân tâm chúng sanh thường trụ, không gián đoạn.

đoạn trừ sự chấp thủ về dục mà không chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về giới, về nhận thức và về bản ngã.<sup>5</sup> Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về ba trường hợp còn lại, cho nên tuy chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ.

Lại có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục và chấp thủ về giới mà không chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về nhận thức và bản ngã. Vì sao như vậy? Vì vị Sa-môn hay Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về hai trường hợp kia, cho nên tuy đoạn trừ sự chấp thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ.

Lại có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục, chấp thủ về giới, chấp thủ về nhận thức mà không chủ trương đoạn trừ chấp thủ bản ngã. Vì sao như vậy? Vì vị Sa-môn hay Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về một trường hợp còn lại, cho nên tuy chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ.

Đối với giáo pháp như thế, nếu có niềm tin với Tôn sư thì niềm tin đó không chân thật, không hết lòng; nếu có tin Pháp thì niềm tin đó cũng không chân thật, không hết lòng; nếu có tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức thì niềm tin đó cũng không chân thật, không hết lòng; nếu có thương yêu, kính trọng, giúp đỡ những pháp hữu xuất gia và cư sĩ thì sự thương yêu đó cũng không chân thật, không hết lòng.

[0591b06] Nếu có đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ. Ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ, chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục, chấp thủ về giới cấm, chấp thủ về nhận thức và chấp thủ về bản ngã. Bốn trường hợp chấp thủ này nhân nơi đâu, tập khởi do đâu, phát sanh từ đâu, lấy gì làm gốc? Bốn trường hợp chấp thủ này nhân nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh và lấy vô minh làm gốc.

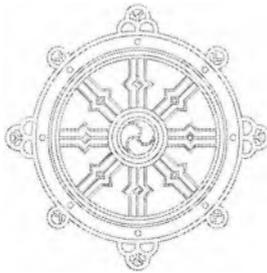
Nếu có Tỳ-kheo nào mà vô minh đã bị diệt trừ, tuệ minh đã phát sanh thì vị đó không còn chấp thủ, không chấp thủ về dục, không còn chấp thủ về giới cấm, không còn chấp thủ về nhận thức và bản ngã. Vị đó do không còn chấp thủ nên không có lo sợ, đã không lo sợ thì đoạn trừ hết các nhân duyên, chắc chắn

<sup>5</sup> Tham chiếu: *M. 11: Cattārimāni, bhikkhave, upādānāni. Katamāni cattāri? Kāmupādānaṃ, diṭṭhupādānaṃ, silabbatupādānaṃ, attavādupādānaṃ* (Chư Tỳ-kheo, có 4 chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ), HT. Thích Minh Châu dịch.

chúng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng: ‘Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.’ Trong giáo pháp chân chánh này, nếu có niềm tin với Tôn sư thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có tin Pháp thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có thương yêu, kính trọng, giúp đỡ những pháp hữu xuất gia và cư sĩ thì sự thương yêu này là chân thật, là hết lòng.

Này chư Hiền, chúng tôi có phẩm hạnh như vậy, có năng lực như vậy, có trí tuệ như vậy; nhân đây mà chúng tôi nói ‘chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn, Bà-la-môn. Do đó, tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy.’”

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.





## 104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, có cư sĩ tên là Thật Ý<sup>2</sup> ra khỏi thành Vương Xá, muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường và lễ bái, nhưng sau đó ông nghĩ: “Ta hãy khoan đến đó, có thể giờ này đức Thế Tôn vẫn còn đang ngồi thiền cùng với các Tỷ-kheo. Ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la,<sup>3</sup> đến khu vườn của ngoại đạo.”

Nghĩ rồi, cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn của ngoại đạo. Lúc đó, trong rừng Ưu-đàm-bà-la, nơi khu vườn của ngoại đạo có một du sĩ tên là Vô Nhuế được tôn làm thầy của những người ngoại đạo, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm vị ngoại đạo tôn sùng. Giữa hội chúng ồn ào đang tụ tập quanh chỗ ngồi, Vô Nhuế cao giọng lớn tiếng bàn đủ mọi việc, như luận về chuyện ngôn ngữ, chuyện vua chúa, chuyện trộm cướp, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện y phục, chuyện phụ nữ, chuyện đồng nữ, chuyện dâm nữ, chuyện thế tục, chuyện phi đạo, chuyện sông biển, chuyện quốc gia,... đại loại đủ mọi vấn đề như vậy.

Khi ấy, du sĩ Vô Nhuế thấy cư sĩ Thật Ý từ xa đi đến, liền bảo hội chúng của mình hãy im lặng:

– Nay chư Hiền, các ông chớ nói nữa mà hãy vui vẻ im lặng, mỗi người hãy tự thu nhiếp. Vì sao như vậy? Vì có cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm có danh đức cao dày, được mọi người kính trọng ở nơi thành Vương Xá này thì ông ấy là bậc nhất. Ông ấy không ưa sự huyên náo, thích yên lặng và tự thu nhiếp. Nếu biết hội chúng này im lặng, có thể ông ấy sẽ đến thăm.

Du sĩ Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng. Bấy giờ, cư sĩ Thật Ý đi đến nơi, chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Ưu-đàm-bà-la kinh* 優曇婆邏經 (T.01. 0026.104. 0591b26). Tham chiếu: *Tán-đà-na kinh* 散陀那經 (T.01. 0001.8. 0047a17); *Ni-câu-đa Phạm chí kinh* 尼拘陀梵志經 (T.01. 0011. 0222a19); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.975. 0252a22); *D. 25, Udumbarika Sihanāda Sutta* (*Kinh Ưu-đàm-bà-la sư tử hồng*).

<sup>2</sup> Thật Ý (實意) dịch nghĩa từ Sandhāna, là sự kết hợp, hòa giải, thân thiện. *Ni-câu-đa Phạm chí kinh* 尼拘陀梵志經 (T.01. 0011. 0222a19) dịch tên vị cư sĩ này là Hòa Hợp (和合).

<sup>3</sup> Ưu-đàm-bà-la (優曇婆邏, Udumbarikā) vốn là tên của vị hoàng hậu đã phát tâm xây dựng một ngôi tùng lâm (*ārāma*) dành cho các du sĩ của các học phái khác (*paribbājaka*) ở gần thành Vương Xá (Rājagaha), nên lấy tên bà để định danh.

Cư sĩ Thật Ý hỏi:

– Nay Vô Nhuế! Đức Phật, đáng Thế Tôn của tôi thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa, là tôi so sánh Phật, Thế Tôn với những vị ở đây. Ngài thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Ở những nơi xa vắng ấy, thường thích tĩnh tọa, an ổn và hân hoan, đức Phật, đáng Thế Tôn chưa hề có một ngày hay một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay.

Bấy giờ, du sĩ Vô Nhuế liền nói:

– Cư sĩ! Hãy thôi đi, thôi đi! Do đâu mà ông biết Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ giải thoát trống rỗng?<sup>4</sup> Với trí tuệ đó thì không đủ để cho rằng, điều gì tương ưng hay không tương ưng, điều gì tùy thuận hay không tùy thuận. Sa-môn Cù-đàm đi từ phương diện này đến phương diện kia, ưa thích từ phương diện này đến phương diện kia, an trú từ phương diện này đến phương diện kia. Cũng giống như con bò bị chốt một mắt, chỉ ăn cỏ được một bên,<sup>5</sup> từ rẻo này đến rẻo kia, ưa thích từ rẻo này đến rẻo kia, sống từ rẻo này đến rẻo kia. Nay cư sĩ, nếu như Sa-môn Cù-đàm đến hội chúng này thì chỉ bằng một lý lẽ tôi cũng đủ hủy diệt ông ấy, dễ dàng như lăn cái bình rỗng và tôi cũng sẽ nói về ví dụ con bò chốt một mắt cho ông ấy nghe.

[0592a05] Rồi du sĩ Vô Nhuế bảo đồ chúng của mình:

– Nay chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến hội chúng này, nếu ông ấy có đến thật thì các ông chớ cung kính đứng dậy, chớ có chấp tay nghinh đón, cũng chớ mời ngồi mà hãy để sẵn một chỗ cho ông ấy. Khi ông ấy đến thì hãy nói: “Nay Cù-đàm, có chỗ ngồi đây, Ngài muốn ngồi thì xin tùy ý.”

Lúc này, đức Thế Tôn đang tĩnh tọa, bằng thiên nhãn thanh tịnh siêu việt hơn người, Ngài nghe rõ cuộc nói chuyện như vậy giữa cư sĩ Thật Ý và du sĩ Vô

<sup>4</sup> Nguyên tác: Không tuệ giải thoát (空慧解脫). Tham chiếu: *Ni-câu-đà Phạm chí kinh* 尼拘陀梵志經 (T.01 0011. 0222b23-24): Sa-môn Cù-đàm sống nơi nhà trống thì có trí tuệ gì để mà giáo hóa? (沙門瞿曇處於空舍, 慧何能轉); *Tap. 雜* (T.02. 0099.974. 0252a26-28): Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm giống như ngôi nhà trống nên không thể đứng giữa đại chúng đưa ra quan điểm: “Điều này đúng, điều này không đúng, điều này phù hợp, điều này không phù hợp” (沙門瞿曇智慧猶如空舍, 不能於大眾中建立論議: 此應; 此合, 此不合); *D. 25: Ēvameva suññāgārahata samanassa Gotamassa paññā* (Cũng vậy, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>5</sup> Nguyên tác: Do như hạt ngũ tại biên địa thực (猶如瞎牛在邊地食). Tham chiếu: *Tán-đà-na kinh* 散陀那經 (T.01. 001.8. 0047b14): Giống như con bò chốt mắt ăn cỏ, chỉ gặm một bên theo những gì nó thấy (猶如瞎牛食草, 偏逐所見); *Tap. 雜* (T.02. 0099.975. 0252a28-29): Như con bò mù chỉ lăn theo bờ ruộng, không thể vào giữa đám ruộng (譬如盲牛偏行邊畔). *D. 25: Seyyathāpi nāma gokāṇā pariyañcārīni antamantāneva sevati* (Giống như con bò mù (một mắt) chỉ đi quanh quần trong giới hạn liên hệ của nó). Cú ngữ này được Tỳ-kheo Sujato dịch là: *He's just like the nilgai antelope, circling around and lurking on the periphery* (Ông ta như con linh dương đầu bò chỉ đi quanh quần trong giới hạn ẩn nấp của nó).

Nhuế. Vào lúc xế chiều, Ngài rời nơi tĩnh tọa rồi đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn của ngoại đạo. Từ xa thấy đức Thế Tôn đi đến, du sĩ Vô Nhuế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chấp tay hướng về đức Phật khen ngợi:

– Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Đã lâu rồi Ngài không đến đây, xin mời Ngài ngồi vào chỗ này.

Khi ấy, đức Thế Tôn thâm nghĩ: “Kẻ ngu si này tự làm trái ngược lại với điều mà ông ta đã dự định.” Biết vậy, đức Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Vô Nhuế sau khi chào hỏi đức Thế Tôn rồi cũng ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Nay Vô Nhuế, ông và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì? Vì lý do gì mà nhóm họp ở nơi này?

Du sĩ Vô Nhuế trả lời:

– Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo đệ tử, để khiến cho các đệ tử sau khi vâng lãnh sự chỉ dạy liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh, còn giảng nói lại cho người?” Thưa Cù-đàm, tôi và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp ở nơi này.

Cư sĩ Thật Ý nghe ông ta nói vậy, liền nghĩ: “Lạ thay, du sĩ Vô Nhuế lại nói dối! Vì sao như vậy? Vì ở trước đức Thế Tôn mà lại lừa dối Ngài.”

Đức Phật biết vậy, liền nói:

– Nay Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy và khó chứng đắc. Ta đã dạy cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh, lại còn đem dạy cho người khác. Nay Vô Nhuế, sao ông không hỏi Ta về pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ<sup>6</sup> mà Tôn sư của ông đã lấy làm tông chỉ, nếu ông hỏi Ta thì Ta sẽ giải đáp khiến cho ông thỏa mãn?

Bấy giờ, chúng ngoại đạo ồn ào đó cùng nói lớn:

– Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài có đầy đủ như ý túc, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Vì sao như vậy? Vì Ngài bỏ qua tông chỉ của mình để giải đáp thắc mắc cho người về tông chỉ của họ.

Du sĩ Vô Nhuế liền bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi:

– Thưa Cù-đàm, về pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ thì thế nào mới được gọi là đầy đủ? Thế nào không được gọi là đầy đủ?

[0592b06] Đức Thế Tôn trả lời:

– Nay Vô Nhuế! Như có Sa-môn hay Bà-la-môn lửa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục, không

<sup>6</sup> Nguyên tác: Bất liễu tăng ô hạnh (不了憎惡行): Phương pháp tu hành dựa trên sự ghê tởm, chán ghét, khắc khổ cực độ. D. 25: *Adhijeguccha* (tôi thăng khổ hạnh), HT. Thích Minh Châu dịch.

mức nước bằng bình hoặc bằng gáo, không ăn đồ ăn được gấp hay cắt bằng dao gậy, không ăn thức ăn do lừa dối, không tự tiện đến để được ăn, không đánh tiếng để được ăn, không ăn vì được mời,<sup>7</sup> không ăn vì biệt đãi,<sup>8</sup> không dừng lại để ăn,<sup>9</sup> không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai,<sup>10</sup> không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước giấm, hoặc không uống gì cả, học hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và nghĩ rằng một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho rằng bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được và nghĩ rằng một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ngày ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ, hoặc ăn rau dưa, hoặc ăn hạt cỏ, hoặc ăn ngũ cốc, hoặc ăn lúa mạch, hoặc ăn đầu-đầu-la,<sup>11</sup> hoặc ăn thức ăn thô, hoặc đến chỗ rừng vắng,<sup>12</sup> nương nơi rừng vắng, hoặc ăn rễ cây, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn quả tự rụng, hoặc mặc áo khâu nhiều loại vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá,<sup>13</sup> hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc áo da nguyên, hoặc mặc áo da rách, hoặc mặc áo da toàn thùng lỗ, hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không ngồi, hoặc đi chồm hồm, hoặc nằm trên gai và lấy gai làm giường, hoặc nằm trên trái cây và lấy trái cây làm giường, hoặc thờ nước rồi ngày đêm lấy tay vọc nước, hoặc thờ lửa rồi ngày đêm đốt lửa, hoặc thờ mặt trời mặt trăng, hoặc thờ đấng Tự tại phước lớn cho nên luôn chấp tay hướng về những nơi đó. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? So với việc phải chịu vô lượng khổ để tu tập khổ hạnh phiền lao<sup>14</sup> thì pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đầy đủ hay không đầy đủ?

[0592c03] Du sĩ Vô Nhuế trả lời:

– Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đầy đủ, không phải không đầy đủ.

Đức Thế Tôn lại nói:

– Này Vô Nhuế! Ta sẽ chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Bất lai tôn (不來尊, *na ehibhadantika*): Không nhận lời mời đi ăn.

<sup>8</sup> Nguyên tác: Bất thiện tôn (不善尊, *na uddissakatam*): Không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình.

<sup>9</sup> Nguyên tác: Bất trụ tôn (不住尊, *na tiṭṭhabhadantika*): Không dừng lại khi có lời mời ăn.

<sup>10</sup> Nguyên tác: Bất hoài nhâm gia thực (不懷妊家食, *na gabbhiniyā paṭiganhāti*): Không [nhận thức ăn] từ người đàn bà mang thai.

<sup>11</sup> Đầu-đầu-la (頭頭邏, *daddula*). PED cho rằng đó là một loại gạo.

<sup>12</sup> Nguyên tác: Chí vô sự xứ (至無事處).

<sup>13</sup> Nguyên tác: Đầu-xá y (頭舍衣, *dussa*): Vải thô chưa nhuộm màu.

<sup>14</sup> Nguyên tác: Học phiền nhiệt hạnh (學煩熱行, *ātāpanaparitāpanānuyogaṃ anuyutto viharati*): Tu tập theo sự khổ hạnh ép xác.

Du sĩ Vô Nhuế hỏi:

– Thưa Cù-đàm! Ngài hãy nói cho tôi biết, pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đây đủ đó đã bị vô lượng cầu uest làm cho ô nhiễm như thế nào?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế! Như có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ,<sup>15</sup> rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có ước muốn bất chánh, nhớ nghĩ tham dục. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có ước muốn bất chánh, nhớ nghĩ tham dục thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh gian khổ nên tâm liền dính mắc chấp trước. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh gian khổ nên tâm liền dính mắc chấp trước thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự thị khinh người. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự thị khinh người thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ rồi đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm.” Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ rồi đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên khi thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh tâm ganh tị mà nói rằng: “Sao lại cúng dường, lễ bái Sa-môn và Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường và lễ bái tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh.” Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành

<sup>15</sup> Nguyên tác: Thanh khổ hạnh khổ hành (清苦行苦行, *tapassī tapam samādiyati*): Một vị khổ hạnh siêng tu khổ hạnh (HT. Thích Minh Châu dịch). Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Tinh khổ hạnh khổ hành (精苦行苦行).

khổ hạnh gian khổ nên khi thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh tâm ganh tị mà nói rằng: “Sao lại cúng dường, lễ bái Sa-môn và Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường và lễ bái tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

[0593a08] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ cho nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn nào được người kính trọng, cúng dường và lễ bái liền đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó rằng: “Sao ông lại được kính trọng, lễ bái và cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm loại hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiều loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn thường đến nhà người cũng giống như vậy.” Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ cho nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn nào được người kính trọng, cúng dường và lễ bái liền đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó rằng: “Sao ông lại được kính trọng, lễ bái và cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm loại hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiều loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn thường đến nhà người cũng giống như vậy” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có buồn lo, si mê, kinh hãi, sợ sệt, sống lén lút, hay nghi ngờ, sợ mất danh tiếng, tham lam và buông lung. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có buồn lo, si mê, kinh hãi, sợ sệt, sống lén lút, hay nghi ngờ, sợ mất danh tiếng, tham lam và buông lung thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên tu khổ hạnh gian khổ nên sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, không biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn hay Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên tu khổ hạnh gian khổ nên sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, không biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn hay Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

[0593b04] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên bị trói buộc bởi

sân hận, che giấu, bòn xén, ganh ghét, dua nịnh, dối gạt, không tự thẹn, không xấu hổ. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên bị trói buộc bởi sân hận, che giấu, bòn xén, ganh ghét, dua nịnh, dối gạt, không tự thẹn, không xấu hổ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thù dết, phạm nhiều giới trọng.<sup>16</sup> Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thù dết, phạm nhiều giới trọng thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không có tín tâm, lười biếng, không chánh niệm, không chánh trí, có tuệ thấp kém. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không có tín tâm, lười biếng, không chánh niệm, không chánh trí, có tuệ thấp kém thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ướ.

Này Vô Nhuế! Ta đã chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng câu ướ làm cho ô nhiễm, có phải vậy chăng?

Du sĩ Vô Nhuế đáp:

– Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng câu ướ làm cho ô nhiễm.

– Nay Vô Nhuế, Như Lai sẽ chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng câu ướ làm ô nhiễm.

Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi:

– Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng câu ướ làm ô nhiễm như thế nào không?

Đức Thế Tôn bảo:

– Nay Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không có tham muốn bất chánh, không nhớ nghĩ tham dục. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không có tham muốn bất chánh, không nhớ nghĩ tham dục thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không câu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ

<sup>16</sup> Nguyên tác: Cụ ác giới (具惡戒, *dussīyam*): Phá giới.

hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

[0593c01] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không chấp trước. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không chấp trước thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không tự thị khinh người. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không tự thị khinh người thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm.” Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không sanh tâm ganh tị mà nói: “Sao lại kính trọng, cúng dường và lễ bái Sa-môn, Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, lễ bái và cúng dường tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh.” Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không sanh tâm ganh tị mà nói: “Sao lại kính trọng, cúng dường và lễ bái Sa-môn, Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, lễ bái và cúng dường tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường và lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm loại hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn mà hay đến nhà người thì cũng

giống như vậy.” Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Bà-la-môn đó: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường và lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm loại hạt giống, nhiều loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn mà hay đến nhà người thì cũng giống như vậy” thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

[0594a09] Lại nữa, nay Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không buồn lo, không si mê, không kinh hãi, không sợ sệt, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất danh tiếng, không tham lam và không buông lung. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không buồn lo, không si mê, không kinh hãi, không sợ sệt, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất danh tiếng, không tham lam và không buông lung thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn và Bà-la-môn phải thông suốt cũng đều thông suốt. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn và Bà-la-môn phải thông suốt cũng đều thông suốt thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không bị trói buộc bởi sân hận, không che giấu, không bợn xén, không ganh ghét, không đua nịnh, không dối gạt, biết tự thẹn, biết xấu hổ. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không bị trói buộc bởi sân hận, không che giấu, không bợn xén, không ganh ghét, không đua nịnh, không dối gạt, biết tự thẹn, biết xấu hổ thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thù dật, không phạm ác giới. Nay Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thù dật, không phạm ác giới thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

[0594b01] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên có tín tâm, không lười biếng, chánh niệm, chánh trí, không có tuệ thấp kém. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên có tín tâm, không lười biếng, chánh niệm, chánh trí, không có tuệ thấp kém thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Này Vô Nhuế! Ta đã chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm, có phải vậy không?

Du sĩ Vô Nhuế đáp:

– Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm.

Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi:

– Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chỗ chân thật chưa?

Đức Thế Tôn trả lời:

– Này Vô Nhuế! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này chưa đạt được bậc nhất, chưa đạt đến chỗ chân thật, tuy nhiên cũng thành tựu được hai phần, là da và các đốt xương.

Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi:

– Thưa Cù-đàm! Thế nào gọi là pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đạt đến ngoài da?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Vô Nhuế! Ở đây như có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đồng tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không miễn cưỡng,<sup>17</sup> tâm tương ưng với từ, thành tựu và an trú khắp một phương. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương chính, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, cùng khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận nào hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm khắp cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, đối với bi, với hỷ, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận nào hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm khắp cả thế gian, thành tựu và an trú.

Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? Phải chăng pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy đạt đến ngoài da?

<sup>17</sup> Nguyên tác: Lạc nhị bất tấn (樂而不進). Pāli: *So abhirahati no hīnāyāvattati* (Vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm).

Vô Nhuế thưa:

– Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy đạt đến ngoài da. Thưa Cù-đàm, vậy thế nào gọi là pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đạt đến các đốt xương?

Đức Thế Tôn trả lời:

– Nay Vô Nhuế, như có Sa-môn hay Bà-la-môn tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đồng tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh như vậy, ưa thích mà không miễn cưỡng. Những hành nghiệp, những tướng mạo đã có, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành, vô lượng kiếp hoại, tại chỗ đó ta là chúng sanh tên như thế, ta đã trải qua nơi kia, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, chấm dứt thọ mạng như vậy. Rồi chết nơi này sanh nơi kia, chết nơi kia sanh ở nơi này, ta sanh tại chỗ này có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy và chấm dứt thọ mạng như vậy.

Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy có đạt đến các đốt xương không?

[0594c09] Vô Nhuế thưa:

– Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đã đạt đến các đốt xương. Thưa Cù-đàm! Vậy thì pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như thế nào mới đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế! Như có Sa-môn hay Bà-la-môn tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đồng tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không miễn cưỡng. Bằng thiên nhãn thanh tịnh siêu việt hơn người, vị ấy thấy biết đúng như thật chúng sanh này lúc sanh ra, lúc qua đời, hình dạng đẹp hoặc xấu, tính cách hiền lành hoặc xấu xa, qua lại cõi lành hoặc cõi ác, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Nếu chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, chê bai Thánh nhân, tà kiến, kết thành nghiệp tà kiến; do nhân duyên đó nên sau khi qua đời, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến nẻo ác, đọa vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời

thiện, ý nghĩ điều thiện, không chê bai Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó nên sau khi qua đời, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời.

Này Vô Nhuế! Ý ông nghĩ sao? Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không?

Vô Nhuế thưa:

– Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm! Phải chăng vì để chứng ngộ pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này mà các đệ tử của Ngài đã nương theo Ngài để tu hành Phạm hạnh?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Vô Nhuế! Không phải vì để chứng ngộ pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này mà đệ tử của Như Lai nương theo Như Lai để tu hành Phạm hạnh. Này Vô Nhuế! Lại còn có pháp khác rất tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Như Lai nương theo Như Lai mà tu hành Phạm hạnh.

[0595a01] Lúc đó, hội chúng ngoại đạo huyên não cao giọng lớn tiếng nói:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm nương theo Sa-môn Cù-đàm để tu hành Phạm hạnh.”

Bấy giờ, du sĩ Vô Nhuế liền bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi:

– Thưa Cù-đàm! Có pháp nào được gọi là pháp rất tối thượng, tối diệu, tối thắng và chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Vô Nhuế! Nếu đáng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Tạng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian thì vị ấy đã xả bỏ năm thứ trói buộc và ngăn che,<sup>18</sup> những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, đã lia đục, lia pháp ác, bất thiện,... (cho đến) đã chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định như vậy, thanh tịnh, không có cấu uế, không phiền não, nhu hòa, khéo an trú, được tâm bất động mà hướng đến sự diệt sạch các lậu hoặc, tự thân chứng ngộ trí tuệ và thần thông, biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường diệt khổ. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm thoát khỏi đục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

<sup>18</sup> Nguyên tác: Ngũ cái (五蓋, *pañca nīvaraṇā*), gồm: tham dục (貪欲), sân khú (瞋恚), thụy miên (睡眠), trạo cử (掉舉) và nghi ngờ (疑).

Này Vô Nhuế! Đó là pháp rất tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chúng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành Phạm hạnh.

Bây giờ, cư sĩ Thật Ý nói:

– Này Vô Nhuế! Đức Thế Tôn đang ở đây. Bây giờ, ông có thể dùng lý lẽ nào đó để hủy diệt Ngài, dễ dàng như lăn cái bình rỗng chẳng? Và ông hãy nói ví dụ về con bò chột một mắt, ăn cỏ một bên đi!

Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi du sĩ Vô Nhuế:

– Quả thật ông có nói như vậy không?

Du sĩ Vô Nhuế đáp:

– Thưa đức Cù-đàm, quả thật tôi có nói như vậy.

Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp:

– Ông có từng nghe các vị Trưởng lão cựu học đã nói: “Thời quá khứ, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa.” Chư Phật, Thế Tôn thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Ở những nơi thanh vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người, như ông và quyến thuộc của ông hôm nay chẳng?

[0595b01] Du sĩ Vô Nhuế đáp:

– Thưa Cù-đàm! Tôi từng nghe các vị Trưởng lão cựu học đã nói: “Thời quá khứ, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa.” Chư Phật, Thế Tôn thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Ở những nơi xa vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay!

– Này Vô Nhuế! Ông không nghĩ rằng, như các đức Thế Tôn đó sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Ở những nơi xa vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo Chánh giác ư?

Du sĩ Vô Nhuế đáp:

– Thưa đức Cù-đàm, nếu biết như thế thì vì lý do gì mà tôi lại dám nói rằng: “Chỉ bằng một lý lẽ cũng đủ để hủy diệt Ngài, dễ dàng như lăn cái bình rỗng và còn nói ví dụ về con bò chột một mắt, ăn cỏ một bên?”

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Vô Nhuế! Như Lai có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ, do vậy mà Như Lai tự xưng là bậc Vô Úy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không dối gạt, chất trực, không hư vọng thì Ta giáo huấn cho và vị ấy tu tập theo giáo huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt được Trí tuệ cứu cánh.

Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm thầy cho nên thuyết pháp” thì đừng nên nghĩ như vậy. Thầy của ông, Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi.

Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp” thì đừng nên nghĩ như vậy. Đệ tử của ông, Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi.

Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp” thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại vật dụng cúng dường cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi.

Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp” thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại điều khen ngợi cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi.

Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: “Nếu ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát đưa đến giải thoát, có thể chứng đắc thì Sa-môn Cù-đàm này sẽ đoạt của ta, hủy diệt ta” thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại pháp của ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi.

Bấy giờ, tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao như vậy? Vì họ đang bị Ma vương chế phục.

Đức Thế Tôn bảo cư sĩ Thật Ý:

– Ông hãy nhìn tất cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao như vậy? Vì họ đã bị Ma vương chế phục, khiến cả hội chúng ngoại đạo không có một ngoại đạo nào khởi ý niệm: “Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh!”

[0595c05] Đức Thế Tôn biết như vậy rồi, Ngài thuyết pháp cho cư sĩ Thật Ý nghe, khiến mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho cư sĩ này nghe, khiến mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ rồi, Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay cư sĩ Thật Ý rồi vận dụng thần túc, nương hư không mà đi.

Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ Thật Ý nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

## 105. KINH NGUYỆN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống một mình với hạnh xa lìa, ở nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: “Nếu ta được đức Thế Tôn thăm hỏi, nói chuyện, thuyết pháp cho nghe thì ta sẽ đắc giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán,<sup>2</sup> ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Suy nghĩ vậy rồi nên vào lúc xế chiều, vị Tỳ-kheo ấy rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ đức Phật. Trông thấy vị Tỳ-kheo ấy từ xa đi đến, nhân đó Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy nguyện được Thế Tôn thăm hỏi, cùng nói chuyện với mình, thuyết pháp cho mình nghe để được đắc giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Ta có thân tộc, nguyện cho họ nhân nơi ta mà khi qua đời được sanh đến chỗ lành, sanh lên cõi trời. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Các thí chủ đã cung cấp y phục, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, đủ các vật dụng để ta tu hành; ta nguyện cho họ nhân đây mà được nhiều công đức, có trí tuệ lớn,<sup>3</sup> được nhiều phước báu. Vậy ta hãy thành tựu giới cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, ruồi, muỗi châm chích, sự bức bách của nắng, gió; bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể kham nhẫn, bản thân tật bệnh đau đớn cùng cực cho đến mạng sống sắp tận và những điều không vừa ý ta cũng đều có thể kham nhẫn. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Nguyện kinh* 願經 (T.01. 0026.105. 0595c11). Tham chiếu: *M. 6, Ākaṅkheyya Sutta (Kinh ước nguyện)*; A. 10.71 - V. 131.

<sup>2</sup> Nguyên tác: Thành tựu quán hạnh (成就觀行, *vipassanāya samannāgato*): Thành tựu tuệ minh sát.

<sup>3</sup> Nguyên tác: Đại quang minh (大光明).

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta có thể kham nhẫn được những điều không vừa ý, nếu có điều không vừa ý thì luôn giữ tâm không dao động. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta có thể kham nhẫn được sự sợ hãi, nếu có sự sợ hãi thì luôn giữ tâm không dao động. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nếu tâm ta sanh khởi ba niệm ác, bất thiện là niệm dục, niệm sân và niệm hại thì nguyện ta không để tâm dính mắc vào ba niệm đó. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

[0596a08] Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta có thể lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện,... (cho đến) thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta dứt hết ba thứ trói buộc,<sup>4</sup> đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa nơi xấu ác, quyết định hướng đến quả vị Chánh giác, nhiều nhất là còn bảy lần sanh ở cõi trời hoặc cõi người. Sau bảy lần qua lại nơi đó thì vượt thoát khổ đau. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta dứt hết ba thứ trói buộc, giảm thiểu tham dục, sân hận và si mê; chỉ còn một lần sanh lại ở cõi trời hoặc cõi người, sau một lần qua lại nơi đó thì vượt thoát khổ đau. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta dứt hết năm hạ phần kiết,<sup>5</sup> sanh vào cõi kia<sup>6</sup> mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thoái, không trở lại thế gian này nữa. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta được tịch tịnh giải thoát, lìa sắc, chứng đắc Vô sắc, với sức định như vậy mà tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, nhờ tuệ quán đoạn trừ lậu hoặc, biết rõ lậu hoặc. Vậy ta hãy thành

<sup>4</sup> Nguyên tác: Tam kiết (三結). Ba thứ trói buộc, gồm trói buộc bởi nhận thức chấp ngã (thân kiến kiết, 身見結, *sakkāyadiṭṭhi*); trói buộc bởi giới luật cực đoan (giới cầm thủ, 戒禁取, *śīlabbataparāmāsa*) và trói buộc bởi sự nghi ngờ, do dự (nghi kiết, 疑結, *vicikicchā*).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Ngũ hạ phần kiết (五下分結). Năm thứ trói buộc, gồm có: (i) Dục tham (貪欲), (ii) Sân khuê (瞋恚), (iii) Hữu thân kiến (有身見), (iv) Giới cầm thủ kiến (戒禁取見), (v) Nghi (疑).

<sup>6</sup> Nguyên tác: Sanh ư bị gian (生於彼間), chỉ cho “ngũ Bất Hoàn thiên” (五不還天), còn gọi là “ngũ Tịnh Cư thiên” (五淨居天).

tự giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

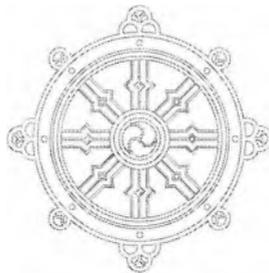
Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nguyện cho ta được như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, dứt sạch các lậu hoặc, chứng đắc Vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, rồi biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.’ Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phé bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng.”

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, ngồi thiền tư duy, tu hành tinh cần, tâm không buông lung.

Nhờ ẩn dật nơi yên tĩnh, ngồi thiền tư duy, tu hành tinh cần, tâm không buông lung mà đạt được mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, rồi biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.”

Vị Tôn giả ấy sau khi biết pháp rồi,... (cho đến) chứng quả A-la-hán.

[0596b06] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.





## 106. KINH TƯỞNG<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với đất mà có ý nghĩ về đất như vậy: “Đất tức là ngã,<sup>2</sup> đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của đất.” Vị ấy đã cho đất tức là ngã, cho nên không biết rõ về đất. Vị ấy cũng có ý nghĩ như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ,<sup>3</sup> Phạm thiên, Vô Phiền thiên,<sup>4</sup> Vô Nhiệt thiên.<sup>5</sup> Vị ấy cũng có ý nghĩ như vậy đối với Tịnh thiên,<sup>6</sup> cho rằng: “Tịnh thiên tức là ngã, Tịnh thiên là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của Tịnh thiên.” Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, cho nên không biết rõ về Tịnh thiên. Vị ấy cũng có ý nghĩ như thế đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Vị ấy đối với cái tất cả có ý nghĩ về cái tất cả, cho rằng: “Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả.” Vị ấy đã cho tất cả tức là ngã, cho nên không biết rõ về tất cả.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với đất thì biết là đất, cho rằng: “Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của đất.” Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, cho nên vị ấy biết rõ về đất. Vị ấy cũng biết như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy cũng biết như vậy đối với Tịnh thiên, cho rằng: “Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã,

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Tương kinh* 想經 (T.01. 0026.106. 0596b09). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.109. 0034a24); *Tăng. 增* (T.02. 0125.44.6. 0766a04); *M. 1, Mūlapariyāya Sutta (Kinh pháp môn căn bản)*.

<sup>2</sup> Nguyên tác: Thần (神), tức thần ngã, bản ngã. Địa tức thị thần (地即是神). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.109. 0034b16): Đất chính là ngã (地即是我); *M. 1: Pathaviṃ meti* (đất là ngã).

<sup>3</sup> Sanh chủ (生主, *Pajāpati*): Chúa tể của muôn loài theo tín niệm Ấn giáo.

<sup>4</sup> Vô Phiền thiên (無煩天), một trong 5 cõi trời thuộc Tịnh Cư thiên (淨居天). Cõi trời này không còn khổ, vui, không có tất cả phiền não.

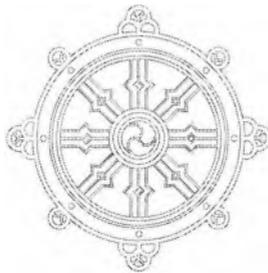
<sup>5</sup> Vô Nhiệt thiên (無熱天), một trong 5 cõi trời thuộc Tịnh Cư thiên. Cõi trời này không có tất cả nhiệt nào bức bách.

<sup>6</sup> Tịnh thiên (淨天) chỉ cho 5 tầng trời trong Đệ tứ thiên thuộc cõi Sắc: 1. Vô Phiền thiên (無煩天); 2. Vô Nhiệt thiên (無熱天); 3. Thiện Kiến thiên (善見天); 4. Thiện Hiện thiên (善現天); 5. Sắc Cứu Cánh thiên (色究竟天), là nơi sanh đến của các bậc Thánh A-na-hàm.

ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.” Vị ấy đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, cho nên vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Vị ấy cũng biết như vậy đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Vị ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả, cho rằng: “Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất cả.” Vị ấy đã không cho tất cả chính là ngã, cho nên vị ấy biết rõ về tất cả.

[0596c03] Như Lai đối với đất thì biết rõ là đất, cho rằng: “Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của đất.” Ta đã không cho đất chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về đất. Ta cũng biết như vậy đối với nước, lửa, gió, thân, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Ta cũng biết như vậy đối với Tịnh thiên, cho rằng: “Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.” Ta đã không cho Tịnh thiên chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về Tịnh thiên. Ta cũng biết như vậy đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Ta đối với cái tất cả thì biết là tất cả, cho rằng: “Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất cả.” Ta đã không cho cái tất cả chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về cái tất cả.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.<sup>7</sup>



<sup>7</sup> Bản Hán, hết quyển 26.